

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**PHẠM THANH THÁI**

**GIẢM HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**  
**TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**HÀ NỘI, năm 2018**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

---

**PHẠM THANH THÁI**

**GIẢM HÌNH PHẠT THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

Ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS NGUYỄN THÁI PHÚC

HÀ NỘI, năm 2018

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Học viện khoa học xã hội.*

*Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Học viện khoa học xã hội xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

**NGƯỜI CAM ĐOAN**

**Phạm Thanh Thái**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢM HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b> .....	9
1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của chế định giảm hình phạt đã tuyên ....	9
1.2. Phân biệt chế định giảm mức hình phạt đã tuyên với các chế định tha miễn khác có liên quan.....	24
1.3. Giảm hình phạt trong pháp luật hình sự một số nước.....	33
<b>Tiểu kết Chương 1</b> .....	37
<b>Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ GIẢM MỨC HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TỈNH ĐỒNG NAI</b> .....	38
2.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự thực định Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi thông qua Bộ luật hình sự năm 2015 .....	38
2.2. Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 .....	43
2.3. Thực tiễn áp dụng giảm mức hình phạt đã tuyên tại tỉnh Đồng Nai....	51
<b>Tiểu kết Chương 2</b> .....	58
<b>Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIẢM MỨC HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN</b> .....	60
3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy phạm pháp luật hình sự thực định hiện hành	60
3.2. Một số giải pháp khác .....	66
<b>Tiểu kết Chương 3</b> .....	68
<b>KẾT LUẬN</b> .....	70
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>BLHS</b>	Bộ luật Hình sự
<b>CHHP</b>	Chấp hành hình phạt
<b>TAND</b>	Tòa án nhân dân
<b>TNHS</b>	Trách nhiệm hình sự
<b>VKSND</b>	Viện kiểm sát nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Bảng 2.1.</b> Số liệu thống kê xét xử hình sự ngành TAND tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017 .....	52
<b>Bảng 2.2.</b> Số liệu thống kê công tác thi hành án hình sự của ngành TAND tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017 .....	53
<b>Bảng 2.3.</b> Số liệu thống kê phạm nhân được đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của trại giam Xuân Lộc và trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017 .....	54
<b>Bảng 2.4.</b> Số liệu thống kê người bị kết án được giảm chấp hành hình phạt tù từ năm 2013 đến năm 2017 .....	54
<b>Bảng 2.5.</b> Số liệu thống kê người bị kết án được giảm chấp hành hình phạt tù từ năm 2013 đến năm 2017 .....	56

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hình phạt là một thể thức thực hiện trách nhiệm hình sự, mang mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và nâng cao ý thức đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, nên hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quyết định trong các bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự [12, tr.3]. Do vậy, khi người bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì họ phải chấp hành hình phạt, việc chấp hành hình phạt đó thể hiện tính cưỡng chế của Nhà nước nhằm bảo vệ các quan hệ xã hội bị các hành vi vi phạm pháp luật xâm hại, đảm bảo tính công minh của pháp luật.

Giảm hình phạt là một trong những quy định quan trọng của pháp luật hình sự Việt Nam, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo xã hội chủ nghĩa của pháp luật đối với người thực hiện hành vi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo luật định hoặc đối với người đang chấp hành án, có những biểu hiện tích cực, tiến bộ, hoặc đã lập công, mắc bệnh hiểm nghèo...v.v. trong thời gian đang chấp hành án. Do đó, quy định về hình phạt và giảm hình phạt trong Bộ luật hình sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo, đó là kết hợp giữa trừng trị, giáo dục người bị kết án và tạo cơ hội cho người đó hướng thiện, sớm thích nghi, tái hòa nhập cộng đồng.

Pháp luật hình sự Việt Nam trải qua ba lần pháp điển hóa từ Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985, đến BLHS năm 1999 và mới nhất là BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015). Các Bộ luật này đều ghi nhận và kế thừa chế định giảm hình phạt, nhiều quy phạm của chế định giảm hình phạt được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện cho các cơ quan áp dụng pháp luật thực hiện công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả, đồng thời thể hiện đậm nét hơn nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự Việt Nam đó là: Nguyên tắc nhân đạo, dân chủ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ quyền con người.

Tuy nhiên, quy định về giảm hình phạt với tư cách là các biện pháp tha miễn trong các chế định chấp hành hình phạt nói chung chưa được giải thích, còn tồn tại những mâu thuẫn nhất định về nội dung, có điểm còn chưa phù hợp với thực tế. BLHS năm 2015 mặc dù mới được ban hành, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế nhất định cụ thể như: các nhà lập pháp vẫn chưa đưa ra định nghĩa pháp lý như thế nào là giảm hình phạt?, như thế nào là giảm mức hình phạt đã tuyên? Cũng như các khái niệm pháp lý khác có liên quan đến giảm hình phạt trong giai đoạn chấp hành án; điều kiện, căn cứ áp dụng giảm mức hình phạt còn thiếu, chưa mở rộng về đối tượng áp dụng; còn có những mâu thuẫn chông chéo trong việc xác định các tình tiết, thuật ngữ pháp lý là các căn cứ, điều kiện để áp dụng chế định giảm hình phạt trong thực tiễn.v.v...Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu các quy định về giảm hình phạt, mà cụ thể là chế định về giảm mức hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự Việt Nam với mong muốn làm giàu thêm lý luận về khoa học và hoạt động áp dụng pháp luật trong thực tiễn, góp phần vào quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự trong thời gian tới.

Với nhận thức đó, tác giả lựa chọn đề tài: *“Giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai”* để làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ Luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Giảm hình phạt là một trong những quy định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam, mang tính nhân đạo, có tác dụng khuyến khích người bị kết án tích cực cải tạo trong thời gian chấp hành án, lập công hoặc trong trường hợp đặc biệt, người bị kết án già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì được Nhà nước cho hưởng chính sách khoan hồng, nên từ trước đến nay nó cũng được một số nhà luật học đề cập đến trong các nghiên cứu của mình, ở những mức độ khác nhau, những khía cạnh, những phương diện khác nhau về vấn đề này.

Đến thời điểm hiện nay, theo khảo sát của tác giả đã có những công trình nghiên cứu trong khoa học luật hình sự có liên quan đến chế định này và có thể phân chia thành các nhóm sau:



Nhóm thứ nhất, ở cấp độ luận án tiến sỹ: chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề này.

Nhóm thứ hai, ở cấp độ luận văn Thạc sỹ luật học, có các đề tài của các tác giả: Trần Thị Thu Hằng (2011), *Hình phạt tù và thi hành hình phạt tù - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Lê Thị Thu Oanh (2007), *Hoàn thiện pháp luật về thi hành án phạt tù*, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; Ngô Việt Khoa (2017), *Giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù-một số khía cạnh về hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trần Thị Thanh Thúy (2012), *Chế định miễn chấp hành hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam*, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, v.v...

Nhóm thứ ba, ở cấp độ giáo trình, sách chuyên khảo, bình luận khoa học Luật hình sự có các công trình của các tác giả: Võ Khánh Vinh, Nguyễn Mạnh Kháng (2006), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Tư pháp; Vũ Trọng Hách (2006), *Hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực Thi hành án hình sự ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp; Lê Cẩm (chủ biên 2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; Đỗ Ngọc Quang, Trịnh Quốc Toàn, Nguyễn Ngọc Hòa (1997), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội; Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; v.v...

Nhóm thứ tư, ở cấp độ bài viết, có các công trình là bài báo khoa học của các tác giả sau: Phương Thảo (2013), *Đề xuất sửa đổi các quy định về miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999*; Nguyễn Văn Hương (2016), *Chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 6); Mai Bộ (2005), *Miễn chấp hành hình phạt tù*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 4); Trịnh Quốc Toàn (2008), *Hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật, (số 24); v.v...

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra những cơ sở lý luận chung có liên quan đến quy định giảm hình phạt mà cụ thể là những quy định có liên quan đến chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được quy định trong Luật hình sự Việt Nam và giải quyết được một số vấn đề mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của các công trình này cũng chỉ mới dừng lại ở khái niệm hoặc những vấn đề chung nhất mà chưa làm rõ được bản chất của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, tính độc lập của nó và mối quan hệ của chế định này với hình phạt nói chung và các chế định khác của hình phạt nói riêng. Do đó, tiếp tục nghiên cứu, phân tích sâu về mặt khoa học các quy định pháp luật thực định, nhằm đưa ra những kiến giải lập pháp, hoàn thiện các biện pháp giảm hình phạt là nhu cầu khách quan và có tính cấp thiết.

Như vậy, tình hình nghiên cứu trên đây một lần nữa cho phép khẳng định đề tài “*Giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai*” là đòi hỏi khách quan, cấp thiết, vừa có tính lý luận vừa có tính thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Mục đích của luận văn là nghiên cứu các quy định pháp luật về giảm hình phạt dưới góc độ lý luận khoa học và pháp luật hình sự thực định nhằm: làm rõ hơn một số vấn đề lý luận liên quan đến chế định này như bản chất, tính độc lập và mối liên quan của chế định này với chế định hình phạt và các chế định khác của hình phạt; Làm rõ thực trạng quy định của BLHS về chế định này cũng như thực tiễn áp dụng ở một địa bàn cụ thể là tỉnh Đồng Nai để chỉ ra những vướng mắc, chưa hoàn thiện trong luật thực định cũng như trong thực tiễn áp dụng; Đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa chế định này trong BLHS và tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Với mục đích nghiên cứu trên, trên cơ sở tổng hợp những quan điểm khoa học của các tác giả về các chế định liên quan đến giảm hình phạt. Luận văn nghiên cứu làm sáng tỏ thêm những vấn đề có liên quan như:

- Làm rõ hơn về bản chất, tính độc lập và mối quan hệ biện chứng của chế định hình phạt và các chế định khác của hình phạt khác có liên quan như: miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện và rút ra kết luận.

- Đánh giá thực trạng quy định của BLHS về chế định này cũng như thực tiễn áp dụng trên cơ sở số liệu ở tỉnh Đồng Nai trong công tác xét giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đang chấp hành hình phạt để chỉ ra những ưu điểm, vướng mắc trong quá trình áp dụng.

- Khái quát sự hình thành chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo pháp luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến các giai đoạn pháp điển hóa Bộ luật hình sự để rút ra những kết luận.

- Nghiên cứu các quy phạm pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới về chế định này để so sánh, đối chiếu, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá.

Trên cơ sở đó, đưa ra các giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật như: giải pháp hoàn thiện pháp luật; giải pháp hướng dẫn thực tiễn xét xử; giải pháp tham gia của các tổ chức, cơ quan và gia đình vào việc giám sát người đang chấp hành án; giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế trong tiếp nhận kinh nghiệm lập pháp hình sự.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu theo đúng như tên gọi của đề tài là giảm hình phạt theo Luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai. Do vậy, đối tượng nghiên cứu chủ yếu là các vấn đề lý luận về hình phạt và các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt của Luật hình sự. Tuy nhiên chế định này cũng liên quan đến một số quy phạm của Luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án hình sự như là một quá trình áp dụng vào thực tiễn của giảm mức hình phạt đã tuyên, nên phạm vi nghiên cứu cũng mở rộng ở giới hạn cần thiết để làm rõ hơn bản chất của chế định này.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Giảm hình phạt là một trong những quy định quan trọng của Luật hình sự Việt Nam, nó được thể hiện rõ ở hai giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự, đó là:

- Giảm hình phạt khi quyết định hình phạt: Khi các cơ quan tiến hành tố tụng cụ thể là Tòa án căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do luật định để quyết định hình phạt đối với người có hành vi phạm tội.

- Giảm hình phạt trong quá trình chấp hành hình phạt: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người thực hiện hành vi phạm tội phải thực hiện quyết định của bản án, nghĩa là người phạm tội phải chấp hành bản án của Tòa án đã tuyên đối với người đó. Trong quá trình chấp hành án, người bị kết án có thể được xem xét giảm hình phạt theo những điều kiện nhất định. Tùy thuộc vào những điều kiện BLHS còn phân biệt các trường hợp giảm hình phạt như sau: miễn chấp hành phần hình phạt còn lại được quy định tại các khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 62 BLHS năm 2015 và giảm mức hình phạt đã tuyên theo các Điều 63, Điều 64 BLHS năm 2015. Riêng đối với hình phạt tù còn có quy định cụ thể về tha tù trước thời hạn có điều kiện theo Điều 66 BLHS năm 2015.

Đó là thể hiện tình trạng pháp lý của người bị kết án là đã bị Tòa án xét xử bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, được thi hành, thì tùy theo từng điều kiện giai đoạn thi hành án, người bị kết án có thể được miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù và tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Giảm hình phạt là một chế định lớn của pháp luật hình sự có phạm vi nội dung rộng, bao gồm nhiều trường hợp giảm hình phạt từ khi quyết định hình phạt cho đến khi chấp hành hình phạt của người bị kết án. Vì vậy, phạm vi nghiên cứu của luận văn chỉ tập trung vào chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo pháp luật hình sự Việt Nam dưới góc độ luật hình sự, thực tiễn áp dụng chế định này tại tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ 2013 đến 2017, để chỉ ra một số tồn tại hạn chế, các nguyên nhân chủ yếu để đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác- xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự, Luật thi hành án.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể và đặc thù của khoa học luật hình sự như: phương pháp phân tích tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp quy nạp; phương pháp diễn dịch; phương pháp thống kê; phương pháp xã hội học.... để tổng hợp các tri thức khoa học và luận chứng các vấn đề nghiên cứu trong luận văn.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

Đây là công trình ở cấp độ luận văn thạc sĩ nghiên cứu có hệ thống về vấn đề giảm mức hình phạt đã tuyên. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng sau:

- Luận văn này là chương trình nghiên cứu chuyên khảo đề cập riêng đến việc phân tích, tổng hợp các quan điểm khoa học về giảm hình phạt để xây dựng nên khái niệm chung về giảm mức hình phạt đã tuyên. Đồng thời chỉ ra các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý hình sự của chế định này, làm tiêu chí để phân biệt với các chế định có liên quan như miễn chấp hành hình phạt, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện.

- Nghiên cứu và chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển về giảm mức hình phạt đã tuyên trong Luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến khi thông qua BLHS năm 2015.

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Trên cơ sở đối chiếu, so sánh các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới, Luận văn tiếp tục đề xuất các định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận về giảm hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự Việt Nam.

**Chương 2:** Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về giảm mức hình phạt đã tuyên và thực tiễn áp dụng tỉnh Đồng Nai.

**Chương 3:** Các giải pháp bảo đảm giảm mức hình phạt đã tuyên.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIẢM HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

### 1.1. Khái niệm và bản chất pháp lý của chế định giảm hình phạt đã tuyên

#### 1.1.1. Khái niệm hình phạt

Trong lĩnh vực khoa học hình sự, tội phạm và hình phạt thuộc những đối tượng nghiên cứu chủ yếu và quan trọng nhất, trong đó việc làm sáng tỏ khái niệm hình phạt là một vấn đề quan trọng trong lý luận khoa học hình sự. Khi nói về hình phạt, Các Mác đã viết: “Hình phạt không phải là một cái gì khác ngoài phương tiện để bảo vệ mình của xã hội chống lại sự vi phạm của các điều kiện tồn tại của nó” [20, tr. 103]. Mác đã khẳng định hình phạt mang tính phổ biến, tính giai cấp và tính lịch sử.

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác khẳng định: nếu như tội phạm là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, cùng với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật thì hình phạt xuất hiện là để “trừng trị” tội phạm, bảo vệ quyền lợi, duy trì điều kiện tồn tại của giai cấp thống trị, của Nhà nước trong bất kỳ chế độ xã hội nào. Dù là chế độ xã hội nào từ khi xuất hiện Nhà nước cho đến chế độ dân chủ, văn minh thì Nhà nước luôn coi hình phạt là công cụ hữu hiệu để bảo vệ các lợi ích của xã hội, của Nhà nước. Do đó có thể nói hình phạt là biện pháp nghiêm khắc nhất, được áp dụng phổ biến và có lịch sử lâu đời nhất.

Lịch sử hình thành và phát triển của hình phạt trong khoa học luật hình sự có rất nhiều quan điểm khác nhau, tuy nhiên tựu trung lại thì hình phạt có hai quan điểm thể hiện như sau:

*Thứ nhất*, thời kỳ trung cổ thì quan điểm “nợ máu phải trả bằng máu”, nên hình phạt trong giai đoạn lịch sử này mang đặc điểm là công cụ trả thù, trừng phạt người phạm tội, nên hình phạt mang tính dã man, tàn khốc, được biểu hiện ở kiểu Nhà nước chiếm hữu nô lệ và nhà nước phong kiến.

*Thứ hai*, thời kỳ dân chủ và văn minh, hình phạt mang tư tưởng tiến bộ hơn, thể hiện đặc điểm của hình phạt là công cụ đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và nhằm

mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội và ngăn ngừa tội phạm, cho nên hình phạt không còn mang tính hà khắc, dã man và sự trả thù. Mục đích của hình phạt là hạn chế và đi đến triệt tiêu các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, tiến tới hạn chế và loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, khái niệm về hình phạt có rất nhiều ý kiến, những quan điểm luận giải khoa học về khái niệm hình phạt đều có những hạt nhân hợp lý, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có một khái niệm thống nhất về hình phạt, thể hiện có nhiều quan điểm khác nhau về hình phạt, đó là: “Biện pháp cưỡng chế do Tòa án quyết định trong bản án đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và được thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế các quyền lợi ích do luật quy định đối với người bị kết án” [42, tr. 194]; “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Tòa án áp dụng đối với người thực hiện tội phạm theo quy định của Luật hình sự, tước bỏ hoặc hạn chế những quyền và lợi ích nhất định của người bị kết án nhằm mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội và ngăn ngừa tội phạm” [3, tr. 24], hoặc “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quyết định trong các bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền, tự do của người bị kết án theo các quy định của pháp luật hình sự [12, tr. 3].

Có thể nói hình phạt là một biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, nhưng tùy giai đoạn lịch sử cụ thể, chế độ kinh tế-xã hội của mỗi Nhà nước khác nhau thì việc áp dụng hình phạt cũng khác nhau. Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam ngoài sự nghiêm khắc bằng biện pháp cưỡng chế thì hình phạt còn mang nội dung giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm, thể hiện được tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa với nhiệm vụ: “Điều quan trọng là chúng ta phải quy định hình phạt làm sao để bản thân nó có tính giáo dục, cải tạo người phạm tội... Điều cần thiết là làm sao để chức năng tái hòa nhập người phạm tội vào cộng đồng xã hội được nhận thức là chức năng chủ yếu của hình phạt và việc thực hiện chức năng này phải khác với việc thực hiện chức năng giáo dục đơn giản và



thứ yếu của sự trừng phạt thích đáng mà những người theo trường phái kinh điển mới hiện đại đã nêu ra” [1, tr. 53-54].

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, từ giai đoạn Cách mạng Tháng Tám đến trước khi pháp điển hóa lần thứ hai BLHS năm 1999, khái niệm về hình phạt chưa được các nhà làm luật đưa vào mà chỉ quy định mục đích hình phạt, đó là: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm” [23, tr. 19].

Đến giai đoạn pháp điển hóa lần thứ hai trở về sau thì khái niệm về hình phạt mới được các nhà làm luật phát triển, ghi nhận về mặt lập pháp tại Điều 26 BLHS năm 1999 “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Tòa án quyết định.” [33, tr. 56].

Khi thực hiện pháp điển hóa lần thứ ba BLHS năm 2015 thì một chủ thể đặc biệt của tội phạm được ghi nhận đó là pháp nhân thương mại, nhưng pháp nhân thương mại không phải là chủ thể của mọi tội phạm, mà chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với một số tội phạm có liên quan trực tiếp đến hoạt động của pháp nhân thương mại và được Luật hình sự quy định. Việc bổ sung quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại trong BLHS năm 2015 đã thay đổi các quan điểm khoa học về cơ sở trách nhiệm hình sự, năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi, hình phạt và hiện nay được định nghĩa tại Điều 30 BLHS năm 2015: “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó” [33, tr. 56].

Dựa trên các định nghĩa khoa học cũng như định nghĩa pháp lý về khái niệm hình phạt trong luật hình sự hiện nay, chúng ta có thể khái quát chung nhất về đặc điểm của hình phạt đó là:

*Một là*, là một biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước. Tính nghiêm khắc của hình phạt thể hiện ở hệ quả áp dụng hình phạt là sự tước đoạt hoặc hạn chế các quyền và lợi ích hợp pháp quan trọng nhất được Hiến pháp ghi nhận của cá nhân hoặc tổ chức pháp nhân phạm tội, đó là sự tự do, quyền sống, quyền kinh tế, quyền chính trị.v.v...

*Hai là*, Hình phạt phải được quy định trong BLHS hay nói cách khác BLHS là nguồn của hình phạt. Nếu những hành vi xâm phạm đến trật tự xã hội, đến lợi ích của Nhà nước, của công dân nhưng không hoặc chưa được pháp luật hình sự ghi nhận thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, có nghĩa là họ cũng không gánh chịu về hình phạt, mà hành vi của họ chỉ phải chịu các biện pháp cưỡng chế ít nghiêm khắc của Nhà nước được các quan hệ pháp luật khác điều chỉnh.

*Ba là*, Hình phạt chỉ do Tòa án quyết định áp dụng khi tuyên bản án kết tội đối với cá nhân hoặc pháp nhân thương mại, tức là khi hành vi của cá nhân hoặc pháp nhân thương mại xâm phạm đến những trật tự xã hội, đến lợi ích của Nhà nước, của công dân, tổ chức và bị Tòa án thừa nhận là tội phạm bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan duy nhất thực hiện quyền tư pháp được Hiến pháp ghi nhận, nhằm trừng trị cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện hành vi được coi là tội phạm, thể hiện thái độ lên án của Nhà nước đối với hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm.

Hiến pháp năm 2013 ghi nhận: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” [24, tr. 19-20]. Do đó, chỉ duy nhất ngoài Tòa án, thì không có bất kỳ một cơ quan nào khác, kể cả các cơ quan tiến hành tố tụng khác như Cơ quan điều tra, cơ quan Viện kiểm sát, hoặc cơ quan hành chính Nhà nước khác được quyền kết án và áp dụng hình phạt đối với họ. Điều này thể hiện tính thận trọng, khách quan của Nhà nước trong đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, đồng thời bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và quan trọng nhất là bảo đảm quyền con người được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, phù hợp với Công ước

quốc tế về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, văn hóa và Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948 mà Việt Nam là thành viên.

*Bốn là*, chủ thể bị áp dụng hình phạt chỉ bao gồm cá nhân và pháp nhân thương mại, tuy nhiên, pháp nhân thương mại chỉ được xem là chủ thể của tội phạm của một số hành vi nhất định.

Với phương châm “ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục...”, “khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng, hòa nhập với cộng đồng và trở thành người có ích cho xã hội” [38, tr. 103]. Xét về bản chất thì hình phạt thể hiện các mục đích chính đó là trừng trị và cải tạo, giáo dục cá nhân, pháp nhân thương mại ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật.

Bên cạnh nguyên tắc trừng trị, thì nguyên tắc khoan hồng, nhân đạo đối với người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam cũng được thể hiện rõ bằng những biện pháp tha miễn trong các chế định chấp hành hình phạt (CHHP), theo đó, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét miễn, giảm, hoãn và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện.v.v... dựa trên những căn cứ do luật định đó là người phạm tội ăn năn hối cải, lập được công lớn, có nhiều tiến bộ trong việc chấp hành hình phạt.v.v...và có khả năng tái hòa nhập cộng đồng.

Các biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam được áp dụng nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, tích cực sửa chữa lỗi lầm, giảm gánh nặng về ngân sách cho Nhà nước và quan trọng nhất là bảo đảm hiệu quả trong việc phòng ngừa tái phạm, đúng như tác giả Lê Văn Cẩm nhận định: “Các chế định về chấp hành hình phạt là những biện pháp cưỡng chế về thi hành án hình sự liên quan đến việc chấp hành hình phạt phản ánh nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự, cũng như Luật thi hành án hình sự Việt Nam và được áp dụng trong từng trường hợp cụ thể tương ứng đối với người bị kết án khi có các căn cứ và những điều kiện nhất định do pháp luật hình sự quy định” [12, tr.789]. Do đó, việc thực hiện và áp dụng đúng đắn các chế định CHHP trong thực tiễn không những thể hiện nguyên tắc nhân đạo, nhân văn và đường lối khoan hồng trong chính sách hình

sự Việt Nam, mà còn thể hiện nguyên tắc tôn trọng quyền con người được Hiến pháp ghi nhận.

Giảm hình phạt đã tuyên với tư cách là một trong những biện pháp tha miễn cùng với các chế định khác như miễn CHHP; tha tù trước thời hạn có điều kiện; hoãn CHHP tù; tạm đình chỉ CHHP tù, nằm trong hệ thống các chế định CHHP, là một trong các chế định về giảm hình phạt cho người đã có bản án có hiệu lực do Tòa án tuyên, được quy định tại Chương IX Phần chung BLHS năm 2015. Về mặt kỹ thuật lập pháp, các biện pháp tha miễn được các nhà làm luật tập hợp và ghi nhận thành những chương riêng biệt, “mang tính nhân đạo nhằm thực hiện việc miễn, giảm nhẹ, hoãn hoặc tạm đình chỉ việc quyết định (hoặc tiếp tục thi hành) các biện pháp cưỡng chế hình sự đối với người phạm tội hoặc/ và người bị kết án” [11, tr.49]. Tuy nhiên, các nhà làm luật vẫn chưa đưa ra khái niệm khoa học về các biện pháp tha miễn, bản chất pháp lý và vai trò của các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự Việt Nam.

Còn trong khoa học luật hiện nay, các biện pháp tha miễn được các nhà khoa học nghiên cứu theo từng chế định riêng biệt, chưa có sự tập hợp thống nhất và còn có nhiều khác biệt về quan điểm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay theo tác giả Lê Văn Cẩm nhận định: “Biện pháp tha miễn trong luật hình sự là quy phạm (hoặc chế định) mang tính chất nhân đạo, phản ánh sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội và được cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng chỉ trong một số trường hợp nhất định khi có đầy đủ các căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định” [13, tr. 712]. Khái niệm khoa học trên mang tính tập hợp và khái quát nhất những đặc điểm, vị trí, đặc điểm pháp lý và vai trò của các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự Việt Nam, trong đó có chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, để làm cơ sở nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chế định này trong tương lai.

#### *1.1.2. Khái niệm chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo BLHS năm 2015*

Trong hệ thống các chế định về CHHP thì các biện pháp tha miễn được quy định trong BLHS năm 2015 Việt Nam có những điểm mới trong chính sách hình sự của

nước ta thể hiện rõ tính nhân văn, nhân đạo và bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự Việt Nam, phù hợp với tình hình pháp luật quốc tế.

Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đã được ghi nhận ngay trong lần pháp điển hóa lần thứ nhất thông qua BLHS năm 1985 với tên gọi của chế định nhân đạo này là giảm thời hạn chấp hành hình phạt chính (Điều 49 BLHS); giảm thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung (Điều 50 BLHS); giảm thời hạn và miễn việc chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt (Điều 51 BLHS). Chủ thể được giảm thời hạn chấp hành hình phạt chính bao gồm: người bị kết án cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội hoặc là người bị kết án phạt tù đã chấp hành hình phạt được một thời hạn nhất định, người bị kết án lập công, quá già yếu, hoặc mắc bệnh hiểm nghèo [23, tr. 36-37]. Đến giai đoạn pháp điển hóa BLHS các năm 1999 và năm 2015, các nhà lập pháp vẫn không đưa ra định nghĩa khoa học về chế định này mà chỉ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kế thừa thực tiễn áp dụng pháp luật của đất nước ta trong thời gian qua về đối tượng, về căn cứ và điều kiện áp dụng.

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, khái niệm về chế định nhân đạo này đã có một số công trình nghiên cứu của các tác giả thể hiện những quan điểm khác nhau như sau: “Giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn thời hạn của việc chấp hành phần còn lại của loại hình phạt có thời hạn hoặc miễn việc tiếp tục chấp hành phần còn lại của loại hình phạt không có thời hạn đối với người bị kết án” [13, tr.792]. Quan điểm khoa học này đã làm rõ được bản chất pháp lý của giảm mức hình phạt đã tuyên đó là rút ngắn thời hạn hoặc miễn việc tiếp tục chấp hành phần còn lại của các loại hình phạt tương ứng đối với người bị kết án. Tuy nhiên quan điểm vẫn có hạn chế đó là không gắn với việc giảm mức hình phạt đã tuyên với các căn cứ điều kiện do luật định.

Hoặc là “Giảm mức hình phạt đã tuyên là việc Tòa án quyết định giảm một phần hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án trong quá trình chấp hành hình phạt bằng quyết định của Tòa án khi có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật hình sự” [9, tr.288]; “Giảm mức hình phạt đã tuyên là việc Tòa án quyết định giảm một phần hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án trong quá trình chấp hành hình phạt bằng

một quyết định, nếu người bị kết án có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật Hình sự” [27, tr.341-342]. Các quan điểm này có tiến bộ hơn vì đã chỉ rõ chủ thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt gắn liền với các căn cứ và điều kiện do luật định, tuy nhiên vẫn còn hạn chế khi chưa xác định được bản chất pháp lý của giảm mức hình phạt đã tuyên.

Theo các quan điểm khoa học trên, thì giảm thời hạn chấp hành hình phạt (hoặc giảm mức hình phạt đã tuyên) nói lên bản chất pháp lý là rút bớt lại (ngắn lại) thời gian CHHP đáng lẽ người bị kết án phải chịu theo bản án đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án tuyên đối với hành vi phạm tội của họ, khi có đủ các điều kiện do luật định trong quá trình CHHP của người đó. Nghĩa là, người bị kết án được rút ngắn thời hạn đang CHHP (cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù có thời hạn) hoặc được miễn phần còn lại đối với hình phạt không có thời hạn (hình phạt tiền), cũng tức là giảm thời hạn CHHP.

Bên cạnh đó, quan điểm thứ hai có xu hướng thể hiện tương đối đầy đủ bản chất và đặc điểm pháp lý của chế định, đó là: “Dựa vào nguyên tắc nhân đạo, cân nhắc quá trình giáo dục và cải tạo của những người đang chấp hành hình phạt tù và khuyến khích việc nhanh chóng tự giáo dục và cải tạo của họ, pháp luật hình sự Việt Nam quy định các loại giảm chấp hành hình phạt cụ thể” [43, tr.468] hoặc “Giảm thời hạn chấp hành hình phạt được hiểu là một thể thức chấp hành hình phạt mang tính nhân đạo sâu sắc thể hiện ở việc Tòa án quyết định rút ngắn thời hạn việc chấp hành hình phạt còn lại đối với người bị kết án khi có đầy đủ các căn cứ và điều kiện quy định” [37, tr. 247].

Chế định CHHP là một chế định phản ánh tính cưỡng chế trong giai đoạn thi hành án hình sự của Nhà nước đối với người bị kết án đã có bản án hiệu lực của Tòa án, vì “sau khi bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì không còn một hình thức pháp lý nào khác để công dân thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình” [16, tr.253]. Như vậy, chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng đối với người bị kết án đang chấp hành hình phạt đối với bản án đã có hiệu lực của Tòa án, bảo đảm được mục đích, ý nghĩa của việc chấp hành hình phạt

không chỉ là sự kết hợp giữa các yếu tố trừng trị, cải tạo, giáo dục người phạm tội hướng thiện, sớm thích nghi, tái hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa việc tái phạm và hình phạt còn thể hiện: “đến khi nào hình phạt được thực thi và khắc phục được các hậu quả của tội phạm gây ra, được đánh giá là xứng đáng, đem lại cảm giác hài lòng, tin tưởng của nạn nhân thì đến khi đó công lý của hình phạt vẫn luôn là một giá trị cần có và tất yếu” [24].

Theo Từ điển tiếng Việt thì “Giảm” là: “Bớt, ít hơn, nhẹ hơn” hoặc “Giảm tội: bớt tội, sụt án, phạt nhẹ bớt” [45, tr. 295]; “Kết tội” là: “Buộc tội, hợp các việc làm trái phép của người lại rồi buộc tội” [45, tr. 368]; “Miễn” là “Tha cho, không phải chịu” [45, tr. 663] hoặc “Tha cho khỏi” [45, tr. 729] hoặc “Thoát khỏi, tránh khỏi, trừ bỏ đi, tha cho” [21, tr. 1290]. Còn theo Từ điển Luật học thì miễn chấp hành hình phạt là “Không buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt đã tuyên hoặc tiếp tục chấp hành phần hình phạt còn lại” [4, tr. 563].

Như vậy, về mặt pháp luật thực định, việc CHHP là hậu quả pháp lý mà người phạm tội phải gánh chịu tương ứng với hành vi phạm tội của mình, thể hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt bằng một bản án kết tội đã có hiệu lực của Tòa án, nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm và nhằm bảo đảm công lý, công bằng xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh yếu tố trừng trị của hình phạt, thì chế định giảm mức hình phạt đã tuyên là một trong các biện pháp tha miễn cùng với các chế định khác như Miễn CHHP; Giảm thời hạn CHHP trong trường hợp đặc biệt; Tha tù trước thời hạn có điều kiện; Hoãn CHHP tù; Tạm đình chỉ CHHP tù với tư cách là những chế định độc lập, có những nội dung, căn cứ và điều kiện riêng biệt được áp dụng đối với người bị kết án đang CHHP phản ánh xu thế mở rộng cơ hội, khả năng hướng thiện cho người bị kết án, chưa hoặc đang chấp hành hình phạt, thể hiện sự phong phú về nội dung của nguyên tắc nhân đạo của Luật hình sự, khuyến khích người phạm tội tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, “là sự thể hiện sự tin tưởng của Luật Hình sự vào khả năng phục thiện của người phạm tội” [28, tr. 223].

Về bản chất pháp lý, có thể nói chế định giảm mức hình phạt đã tuyên là một chế định thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, khi người bị kết án có đầy đủ những căn cứ và điều kiện do pháp luật quy định, thì Tòa án xem xét quyết định rút ngắn thời hạn CHHP cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù có thời hạn hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại của hình phạt tiền theo bản án đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án đã tuyên, nhằm động viên họ cố gắng cải tạo, học tập và lao động để sớm được tái hòa nhập với cộng đồng.

Qua những phân tích ở trên, có thể nhận thấy rằng, vẫn còn tồn tại những ý kiến luận giải khác nhau dưới góc độ lý luận khoa học của các nhà khoa học cũng như pháp luật thực định về chế định nhân đạo này. Do vậy, khi xây dựng khái niệm giảm mức hình phạt đã tuyên, theo quan điểm của chúng tôi cần thiết phải căn cứ vào bản chất pháp lý của chế định thì mới bao hàm được mục đích của hình phạt, nên có thể đưa ra khái niệm khoa học về chế định giảm mức hình phạt đã tuyên như sau: *“Giảm mức hình phạt đã tuyên là sự cho phép thay đổi mức hình phạt do Tòa án đã tuyên đối với người đang chấp hành hình phạt bằng cách rút ngắn thời hạn chấp hành đối với hình phạt có thời hạn hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại đối với hình phạt không có thời hạn, khi có những căn cứ và điều kiện do luật định, nhằm khuyến khích người phạm tội tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội”*.

### *1.1.3. Đặc điểm cơ bản của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên*

Khi phân tích khoa học về mặt nội hàm của nội dung chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, chúng ta có thể nhận thấy, chế định nhân đạo này cũng giống như các chế định khác trong các biện pháp tha miễn của các chế định CHHP trong luật hình sự Việt Nam, thể hiện ở những điểm sau:

*Thứ nhất*, người bị kết án CHHP của bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, có nghĩa là họ chịu sự trừng phạt của Nhà nước đối với hành vi trái pháp luật, có lỗi trong việc thực hiện hành vi phạm tội, thấy được sự lên án và phản ứng của Nhà nước đối với tội phạm do họ thực hiện. “Hình phạt trước hết thể hiện là sự lên án, sự phạt của nhà nước, của xã hội đối với người phạm tội. Nhưng đó



không phải là sự lên án, sự phạt đơn thuần mà là biện pháp đặc biệt để răn đe (răn đe bằng tác động cưỡng chế nhà nước) để giáo dục, cải tạo (giáo dục, cải tạo bằng tác động cưỡng chế Nhà nước) người bị kết án, ngăn ngừa họ phạm tội lại” [19, tr.10], nên việc CHHP là đảm bảo được tính cưỡng chế hình sự của Nhà nước để duy trì pháp luật và tính công bằng xã hội. Nhưng ngược lại, giảm mức hình phạt đã tuyên, tức là với chính sách hình sự, Nhà nước đã tác động trực tiếp đến những đối tượng cụ thể, làm mềm hóa tính cưỡng chế nghiêm khắc của hình phạt bằng biện pháp tha miễn một phần hoặc phần còn lại của hình phạt trong những điều kiện và căn cứ nhất định, tức là khi người đang CHHP có đủ điều kiện do luật định thì thời hạn CHHP hay mức hình phạt đã tuyên của người đó được rút gọn như là sự ghi nhận những cố gắng của người đó trong quá trình CHHP.

Khi người bị kết án đang chấp hành hình phạt, đã tích cực cải tạo, ăn năn hối cải, mong muốn trở về cuộc sống lương thiện thì mục đích của hình phạt đã đạt được, không còn cần thiết buộc người bị kết án phải chấp hành toàn bộ mức án đã tuyên trong bản án, nghĩa là cho phép sự thay đổi mức hình phạt do Tòa án tuyên, nó “phản ánh chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội và việc cải tạo, giáo dục người phạm tội, tạo điều kiện cho người phạm tội tự ăn năn, hối cải, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội, sớm tái hòa nhập cộng đồng” [8, tr. 436].

*Thứ hai*, Giảm mức hình phạt đã tuyên chỉ được áp dụng khi có những căn cứ và điều kiện do pháp luật quy định.

Khi áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên với tư cách là một trong các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự vào thực tiễn đòi hỏi các cơ quan thẩm quyền phải căn cứ vào các điều kiện cụ thể được pháp luật quy định. Bởi lẽ, mỗi chế định nhân đạo trong các biện pháp tha miễn có bản chất pháp lý khác nhau, được áp dụng đối với những đối tượng khác nhau khi họ có đủ căn cứ và những điều kiện do luật định tương ứng với từng giai đoạn tố tụng hình sự cụ thể, mà trong đó người bị kết án được hưởng một trong các biện pháp tha miễn như: miễn CHHP, giảm thời hạn CHHP, giảm mức hình phạt đã tuyên, hoãn CHHP tù...

Ví dụ như: người bị kết án theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa CHHP thì được hoãn CHHP khi người đó là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tuổi; còn giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng khi người bị kết án đã chấp hành được một phần hình phạt theo luật định, nếu người đó có nhiều tiến bộ, đã bồi thường một phần nghĩa vụ dân sự...thì được rút ngắn thời hạn chấp hành hình phạt.

Như vậy, việc áp dụng các chế định tha miễn trong giai đoạn CHHP phải tùy thuộc vào tình trạng chấp hành án của người bị kết án (đang chấp hành hay chưa chấp hành hình phạt) và những căn cứ, điều kiện do luật định thì áp dụng các chế định tha miễn tương ứng. Việc áp dụng chế định nhân đạo này đối với người bị kết án bảo đảm nguyên tắc khách quan, công khai, đúng đối tượng, thể hiện sự phân hóa người phạm tội, nhằm khuyến khích người đang chấp hành án ăn năn hối cải, tích cực học tập, lao động cải tạo, tự nguyện bồi thường thiệt hại...tránh khuynh hướng áp dụng tràn lan, hạn chế khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội.

*Thứ ba*, Giảm mức hình phạt đã tuyên chỉ được cơ quan tư pháp có thẩm quyền áp dụng đối với người đang chấp hành hình phạt, nghĩa là người đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì chỉ duy nhất Tòa án mới có thẩm quyền xem xét quyết định áp dụng hay không áp dụng chế định nhân đạo này đối với họ.

Từ các đặc điểm cơ bản của chế định nhân đạo này, thể hiện bản chất pháp lý của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo và nhân văn của Luật hình sự Việt Nam, trong đó nó luôn chứa đựng các nội dung sửa đổi theo hướng có lợi cho người bị kết án đang CHHP, đó là rút ngắn thời hạn phải CHHP. Giảm mức hình phạt đã tuyên không những mang lại lợi ích cho người đang chấp hành án có thái độ tích cực sửa chữa lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải mà còn mang lại lợi ích cho xã hội, cho Nhà nước trong việc giảm chi phí gánh nặng về ngân sách và phòng ngừa được người phạm tội tái phạm.

#### *1.1.4. Những căn cứ pháp lý khi áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo Bộ luật hình sự năm 2015*

Trên cơ sở phân tích những đặc điểm của chế định nhân đạo này, dựa vào lời văn của Điều luật cho ta thấy căn cứ và điều kiện áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên chỉ được áp dụng cho những đối tượng cụ thể với những căn cứ và điều kiện áp dụng cho mỗi trường hợp khác nhau, đó là:

Trường hợp thứ nhất: áp dụng cho người bị kết án theo bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, khi có ba điều kiện: đã CHHP một thời gian, có nhiều tiến bộ, bồi thường một phần nghĩa vụ dân sự.

Trường hợp thứ hai: có thể được xem xét giảm thời gian sớm hơn hoặc với mức cao hơn so với thời gian được pháp luật quy định khi người đang chấp hành án có một trong các điều kiện: lập công; quá già yếu; mắc bệnh hiểm nghèo.

Trường hợp thứ ba: được áp dụng đối với người bị kết án là người dưới mười tám tuổi bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn, khi có một trong các điều kiện: có tiến bộ và chấp hành được một phần tư thời hạn; Đối với trường hợp lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo ngoài việc giảm mức hình phạt thì cũng có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Trường hợp thứ tư: được áp dụng đối với người bị kết án là người dưới mười tám tuổi bị áp dụng hình phạt tiền, khi có một trong các điều kiện: lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn; lập công lớn thì ngoài việc giảm thì cũng có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt tiền còn lại.

Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng: Tòa án có thẩm quyền xem xét theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự đối với người bị kết án chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, hoặc phạt tù chung thân. Đối với hình phạt tiền thì Tòa án có thẩm quyền xem xét theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát.

Về hậu quả pháp lý của việc áp dụng: người đang CHHP theo bản án do Tòa án tuyên đã có hiệu lực pháp luật phải đảm bảo việc CHHP theo tỷ lệ thời gian

tương ứng với mỗi loại hình phạt được áp dụng, nghĩa là, không buộc người đang CHHP phải chấp hành toàn bộ thời gian (mức án) đã tuyên trong bản án.

Qua nội dung điều luật quy định về đối tượng, điều kiện và căn cứ áp dụng của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên cho chúng ta thấy có nhiều điểm mới so với quy định trước đây, chặt chẽ về điều kiện áp dụng và đối tượng được áp dụng và quy định về thời hạn phải chấp hành bắt buộc để xét giảm:

*Thứ nhất*, tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 BLHS năm 2015 bổ sung điều kiện để được xem xét giảm mức hình phạt đối với người phải chấp hành án đó là “đã bồi thường một phần nghĩa vụ dân sự”; và tại khoản 3, khoản 6 Điều 63 BLHS năm 2015 quy định về điều kiện xét giảm đối với những trường hợp bị kết án tử hình nhưng được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình nhưng không phải thi hành án tử hình khi xét giảm đã mang tính chặt chẽ và nghiêm khắc hơn đối với trường hợp người bị kết án phạt tù về nhiều tội trong đó có tội bị áp dụng hình phạt tù chung thân. Đây là quy định nhằm phân hóa cụ thể hơn trách nhiệm hình sự của người phạm tội, thể hiện người thực hiện nhiều tội phạm trong đó có tội bị kết án tù chung thân thì điều kiện về thời gian đã chấp hành để được xét giảm lần đầu sẽ dài hơn so với người thực hiện một tội phạm bị kết án tù chung thân và tổng thời gian thực tế chấp hành hình phạt ít nhất là hai mươi lăm năm.

*Thứ hai*, theo quy định tại khoản 6 Điều 63 BLHS quy định thì người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước ân giảm chuyển thành hình phạt tù chung thân và người bị kết án tử hình nhưng được chuyển thành hình phạt tù chung thân do đến thời điểm thi hành án đã đủ bảy mươi lăm tuổi hoặc người bị kết án tử hình về tội tham ô hoặc tội nhận hối lộ, nhưng sau khi bị kết án đã nộp ít nhất ba phần tư tài sản đã chiếm đoạt và trong quá trình bị điều tra trước đó đã hợp tác tích cực với các cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn. Thời gian đã chấp hành của đối tượng này để có thể được xét giảm mức hình phạt lần đầu là hai mươi lăm năm và dù được xét giảm nhiều lần thì thời gian thực tế đối tượng này phải CHHP tù ít nhất là ba mươi năm. Quy định này nhằm bảo đảm mức cá thể hóa trách nhiệm hình sự đến mức cao nhất theo tính chất, mức độ nguy hiểm

của hành vi phạm tội, bảo đảm sự công bằng hơn trong việc áp dụng và thi hành hình phạt, có tác dụng lớn trong công tác phòng, chống tội phạm.

*Thứ ba*, tại khoản 5 Điều 63 BLHS quy định cụ thể về thời gian thực tế tối thiểu phải CHHP tù đối với người đang thi hành án đã được giảm một phần hình phạt, nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng và phạt tù chung thân, thời gian phải chấp hành để được xét giảm là mười lăm năm và phải đảm bảo thời gian thực tế phải chấp hành hai mươi lăm năm.

#### *1.1.5. Ý nghĩa áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên*

Xuất phát từ tính chất nhân đạo, tôn trọng quyền con người của chính sách hình sự nói chung và của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, với tư cách là một trong những biện pháp tha miễn trách nhiệm hình sự việc giảm hình phạt đối với người đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án có ý nghĩa chính trị - xã hội, pháp lý rất quan trọng. Đó là:

Về mặt chính sách hình sự, việc quy định và áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật đã thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và thể hiện tôn trọng quyền con người. Việc áp dụng đúng đắn và chính xác các quy định giảm hình phạt đối với người đang chấp hành án đã khẳng định nguyên tắc khoan hồng đối với người phạm tội, là nguyên tắc quan trọng của Luật hình sự Việt Nam, thể hiện được bản chất ưu việt của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về mặt chính trị, quy định giảm hình phạt một mặt góp phần đảm bảo cho việc thực hiện nhất quán nguyên tắc công bằng, mặt khác phản ánh nguyên tắc nhân đạo, tôn trọng quyền con người của pháp luật hình sự. Vì pháp luật cần thiết phải quy định các chế tài để nghiêm trị và răn đe người phạm tội, nhưng không thể thiếu tính nhân đạo, xã hội muốn có công bằng và nhân đạo phải là xã hội có một hệ thống pháp luật vì con người. Xã hội không thể ổn định và phát triển được nếu như pháp luật không vì con người, nhưng nếu pháp luật không mở lối hoàn lương cho người bị kết án thì vô hình chung hiệu quả áp dụng pháp luật đã không còn tác dụng.

Về mặt xã hội, giảm hình phạt là sự động viên, khuyến khích, là động lực để người đang chấp hành án nỗ lực phấn đấu cải tạo, sớm trả tự do, trở lại cuộc sống

bình thường, là sự ghi nhận của Nhà nước đối với sự nỗ lực cải tạo đồng thời tạo được hiệu ứng tốt, đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân về sự khoan hồng của Nhà nước đối với người lầm lỡ.

## **1.2. Phân biệt chế định giảm mức hình phạt đã tuyên với các chế định tha miễn khác có liên quan**

Hiện nay, sau ba lần pháp điển hóa BLHS thì khái niệm liên quan đến các chế định về CHHP chưa được các nhà làm luật ghi nhận trong pháp luật hình sự thực định, làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng vào thực tiễn. Còn trong khoa học hình sự hiện nay có rất nhiều quan điểm và công trình nghiên cứu của các nhà khoa học nghiên cứu theo từng vấn đề riêng rẽ mà chưa có sự tập hợp thống nhất chung.

Dựa trên các công trình nghiên cứu khoa học cũng như pháp luật hình sự thực định, thể hiện các chế định về giảm hình phạt luôn có vai trò, đặc điểm và hậu quả pháp lý khác nhau với tư cách là một trong các biện pháp tha miễn trong các chế định CHHP, tuy nhiên chúng có mối liên hệ với nhau và có những điểm tương đồng về bản chất pháp lý, đó là thể hiện tình trạng pháp lý của người bị kết án, các chế định có liên quan đến giảm hình phạt đều thể hiện: cá nhân, pháp nhân thương mại đã bị Tòa án xét xử bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, được thi hành thì tùy theo từng điều kiện trong giai đoạn chấp hành án, người bị kết án có thể được miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt đã tuyên, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù và tha tù trước thời hạn có điều kiện. Các chế định này giúp cho người bị kết án được xóa bỏ, giảm, hoãn, tạm đình chỉ thời hạn phải CHHP theo bản án đã tuyên khi họ có những điều kiện và căn cứ do luật định, đã phản ánh nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự và thi hành án hình sự đối với từng chủ thể nhất định, nhằm cụ thể hóa chủ trương “đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội” theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [15].

### *1.2.1. Với chế định miễn chấp hành hình phạt*

Về khoa học luật hiện nay, có nhiều công trình nghiên cứu về khái niệm miễn CHHP, trong đó thể hiện một số quan điểm sau: “Miễn chấp hành hình phạt là hủy

bỏ việc chấp hành biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất mà Tòa án đã tuyên trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án” [13, tr.790]; “Miễn chấp hành hình phạt là không buộc người đã bị kết án phải chấp hành hình phạt mà tòa án đã tuyên đối với họ” [8, tr.464]; hoặc là “Miễn chấp hành hình phạt là không buộc người bị kết án phải chấp hành toàn bộ hoặc một phần còn lại của hình phạt đã tuyên” [43, tr.464]. Tổng hợp các quan điểm trên đã thể hiện được bản chất pháp lý của miễn CHHP đó là xóa bỏ một hình phạt do Tòa án tuyên đối với người bị kết án, tuy nhiên các quan điểm khoa học trên vẫn còn có ững hạn chế khi chưa làm rõ những căn cứ của việc miễn CHHP như thế nào thì người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt.

Về pháp luật hình sự thực định, miễn chấp hành hình phạt thể hiện bản chất pháp lý: miễn CHHP là chế định thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, không buộc người bị kết án phải chấp hành các hình phạt hoặc một phần hình phạt còn lại (do chưa chấp hành) theo bản án đã có hiệu lực pháp luật do Tòa án đã tuyên khi có những căn cứ do luật định, nhằm tạo điều kiện cho họ trở về tái hòa nhập cộng đồng.

Theo chế định miễn chấp hành hình phạt, quy định đối tượng, điều kiện áp dụng như sau:

(i) Các trường hợp áp dụng: chế định miễn chấp hành hình phạt được áp dụng đối hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, hình phạt tiền, hình phạt cấm cư trú hoặc quản chế, quy định gồm sáu trường hợp (Điều 62 BLHS) và một trường hợp miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại (được quy định tại khoản 3 Điều 105 BLHS). Còn giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng gồm hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân với sáu trường hợp (Điều 63 BLHS) và ba trường hợp đặc biệt (Điều 64 BLHS); đối với người dưới 18 tuổi (hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, hình phạt tiền) thì có ba trường hợp (Điều 105 BLHS).

(ii) Về điều kiện áp dụng: chế định miễn chấp hành hình phạt có lợi cho người bị kết án hơn so với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, thể hiện người bị kết án

chưa CHHP hoặc đã tạm đình chỉ CHHP hoặc được đặc xá, đại xá thì được miễn chấp hành toàn bộ phần hình phạt còn lại khi có đủ các căn cứ và điều kiện do luật định. Còn giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn một phần thời hạn phải chấp hành hình phạt tù hoặc được miễn phần chấp hành còn lại của hình phạt tiền.

(iii) Về hậu quả pháp lý: người được miễn chấp hành hình phạt vẫn phải mang án tích và phải thực hiện các nghĩa vụ dân sự theo bản án đã tuyên. Với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì người đang chấp hành án vẫn phải CHHP theo bản án đã tuyên và chỉ được miễn phần còn lại chưa chấp hành của hình phạt tiền khi có căn cứ theo luật định, do đó sau khi chấp hành xong hình phạt, người bị kết án vẫn phải mang án tích và phải thực hiện các nghĩa vụ dân sự theo bản án đã tuyên.

(iv) Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng: người bị kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật thì Tòa án có thẩm quyền quyết định miễn chấp hành hình phạt theo đề nghị của Viện kiểm sát, riêng các trường hợp đặc xá hoặc đại xá thì có quyết định của Chủ tịch nước.

#### *1.2.2. Chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện*

Trong luật hình sự thực định Việt Nam thì chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện là một chế định mới, được ghi nhận sau lần pháp điển hóa lần thứ ba BLHS năm 2015. Tuy là một chế định mới nhằm giúp người bị kết án rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt tù trong trại giam, có cơ hội sớm trở về cộng đồng, nhưng về mặt khoa học luật hình sự thì chế định này cũng đã có công trình nghiên cứu sau: “Phóng thích có điều kiện được áp dụng với trường hợp một người đã chấp hành hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân được một thời gian nhất định và thoả mãn một số điều kiện khác thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại. Khi miễn chấp hành phần hình phạt còn lại, Toà án có thể buộc người bị kết án trong thời gian phần hình phạt còn lại hoặc trong thời gian nhất định do Toà án xác định (thời gian thử thách) phải thực hiện những điều kiện cụ thể hoặc phải chịu những biện pháp giám sát hoặc trợ giúp nhất định. Nếu người được phóng thích có điều kiện vi phạm các điều kiện nêu trong quyết định cho ra tù trước thời hạn (thường là có hệ thống) thì quyết định phóng thích có điều kiện sẽ bị huỷ và người đó phải



chấp hành phần hình phạt còn lại đó. Ngược lại, trong thời gian thử thách mà người đó chấp hành tốt các điều kiện, các nghĩa vụ quy định thì trong trường hợp này, hình phạt được coi như thi hành xong kể từ ngày được ra tù trước thời hạn” [35, tr.174-180]. Quan điểm khoa học trên đã chỉ ra bản chất, đặc điểm pháp lý của chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện, quy định về thời gian thử thách và các biện pháp pháp lý khi người được tha tù vi phạm điều kiện.

Nhằm thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khắc phục những bất cập trong chính sách đặc xá, giảm gánh nặng cho công tác thi hành án phạt tù hiện nay nhưng vẫn bảo đảm được sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật, đồng thời không làm thay đổi mục đích của hình phạt là giáo dục và trừng trị hành vi phạm tội, Bộ luật hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định mới về tha tù trước thời hạn có điều kiện. Tuy là một chế định hoàn toàn mới, nhưng về mặt kỹ thuật lập pháp thì chế định tha tù trước thời hạn đã được ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam trước giai đoạn pháp điển hóa lần thứ nhất bằng Thông tư số 73-TTg/LB ngày 11/8/1959 của Liên bộ Công an-Viện Công tố Trung ương-Tòa án nhân dân tối cao quy định về điều kiện và thủ tục xử tha tù trước thời hạn [27, tr.151-155]. Và sau khi pháp điển hóa lần thứ ba BLHS năm 2015 thì khái niệm chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện lần đầu tiên được ghi nhận bằng văn bản pháp quy, đó là: “Tha tù trước thời hạn có điều kiện là biện pháp được Tòa án áp dụng đối với người đang chấp hành án phạt tù khi có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật Hình sự, xét thấy không cần buộc họ phải tiếp tục chấp hành án phạt tù tại cơ sở giam giữ” [18] và nó thể hiện đối tượng, điều kiện áp dụng như sau:

Về bản chất pháp lý của chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện: là một chế định thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, người đang chấp hành án phạt tù khi thỏa mãn những điều kiện do pháp luật quy định thì được xem xét để trả tự do, phải chấp hành thời gian thử thách dưới sự giám sát, giúp đỡ của gia đình, cộng đồng dân cư, đoàn thể xã hội và phải thực hiện một số nghĩa vụ nhất định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

(i) Các trường hợp áp dụng: Chế định tha tù trước thời hạn được áp dụng đối với tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với điều kiện đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù hoặc người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm ít nghiêm trọng, được áp dụng trong một trường hợp (tại khoản 1 Điều 66 BLHS) và quy định một trường hợp loại trừ không áp dụng quy định này (tại khoản 2 Điều 66 BLHS).

(ii) Về điều kiện áp dụng: chế định tha tù trước thời hạn thể hiện có lợi cho người bị kết án hơn so với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, thể hiện người bị kết án đang CHHP được trả tự do, không buộc phải chấp hành phần hình phạt còn lại, nhưng phải tuân thủ và chấp hành nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Còn giảm mức hình phạt đã tuyên là chỉ rút ngắn một phần thời hạn phải chấp hành hình phạt tù hoặc được miễn phần chấp hành còn lại của hình phạt tiền.

(iii) Về hậu quả pháp lý: người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ dân sự và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu tiếp tục phạm tội mới thì phần hình phạt chưa chấp hành sẽ được tổng hợp hình phạt theo luật định hoặc vi phạm nghĩa vụ hoặc bị xử phạt hành chính thì phải tiếp tục chấp hành phần hình phạt còn lại mà người bị kết án chưa chấp hành. Với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì người đang chấp hành án vẫn phải CHHP theo bản án đã tuyên.

(iv) Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng: người đang CHHP bằng một bản án có hiệu lực pháp luật thì Tòa án có thẩm quyền quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện theo đề nghị của Cơ quan thi hành án hình sự.

Tương tự, so với chế định miễn chấp hành hình phạt hoặc giảm mức hình phạt đã tuyên, chế định tha tù trước thời hạn có một số điểm tương đồng về điều kiện áp dụng, về thẩm quyền áp dụng,... nhưng về bản chất có sự khác biệt. Trong chế định miễn chấp hành hình phạt hoặc giảm mức hình phạt đã tuyên thì Nhà nước xóa bỏ toàn bộ hoặc một phần hình phạt chưa chấp hành; còn với chế định tha tù trước thời hạn có điều kiện thì Nhà nước chỉ cho “*ng*” một phần hình phạt chưa chấp hành và được giảm mức hình phạt đã tuyên còn là một trong các điều kiện để được áp dụng

tha tù có điều kiện đối với trường hợp đang chấp hành án phạt tù về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

BLHS năm 2015 còn quy định việc giảm thời hạn thử thách cho người được tha tù trước thời hạn có điều kiện. Theo đó, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

### *1.2.3. Chế định hoãn chấp hành hình phạt tù*

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, khái niệm hoãn CHHP có một số quan điểm khoa học như sau: “Hoãn chấp hành hình phạt tù là việc tạm dừng trong một khoảng thời gian nhất định việc chấp hành hình phạt tù của người bị kết án nếu người này chưa chấp hành hình phạt đó” [13, tr.794]. Quan điểm trên thể hiện bản chất pháp lý của hoãn CHHP tù là việc tạm dừng việc CHHP tù trong một khoảng thời gian nhất định và chỉ áp dụng đối với người bị kết án phạt tù nhưng chưa CHHP đó. Tuy nhiên quan điểm khoa học này chưa đưa ra được việc tạm dừng CHHP tù được áp dụng trên cơ sở pháp lý nào?.

Hoặc là “Hoãn chấp hành hình phạt tù là việc Tòa án cho người bị kết án hoãn chấp hành phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định” [44, tr.471]. Quan điểm khoa học trên nói rõ về chủ thể quyết định việc hoãn CHHP tù là Tòa án, tuy nhiên vẫn chưa cho thấy bản chất pháp lý của chế định này là việc tạm dừng việc CHHP tù hay hoãn CHHP tù như thế nào?.

Còn trong pháp luật hình sự thực định, khái niệm hoãn CHHP tù chưa được các nhà lập pháp ghi nhận trong các BLHS trước đây cũng như BLHS năm 2015, mà chỉ quy định về đối tượng, điều kiện áp dụng, thể hiện ở những nội dung:

Về bản chất pháp lý của chế định hoãn CHHP tù: là một chế định thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, người bị kết án chưa chấp hành án có thể được xem xét tạm dừng việc thi hành bản án về hình phạt tù, tương ứng với từng trường hợp hoàn cảnh cụ thể và trong những thời gian nhất định, nếu họ có đủ những căn cứ và điều kiện do pháp luật quy định.

Theo chế định hoãn CHHP tù thì đối tượng, điều kiện áp dụng chế định được quy định như sau:

(i) Các trường hợp áp dụng: chế định hoãn chấp hành hình phạt chỉ được áp dụng khi hình phạt đó là hình phạt tù với bốn trường hợp được hoãn chấp hành (Điều 61 BLHS). Còn giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng gồm hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân với sáu trường hợp (Điều 63 BLHS) và ba trường hợp đặc biệt (Điều 64 BLHS); đối với người dưới 18 tuổi (hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, hình phạt tiền) thì có ba trường hợp (Điều 105 BLHS).

(ii) Về điều kiện áp dụng: người bị kết án phạt tù theo bản án đã có hiệu lực của Tòa án nhưng chưa có quyết định thi hành án của Tòa án, được hoãn chấp hành hình phạt tù khi đáp ứng các điều kiện tương ứng. Đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì không được hoãn chấp hành hình phạt tù. Còn giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn một phần thời hạn phải chấp hành hình phạt tù hoặc được miễn phần chấp hành còn lại của hình phạt tiền. Do đó, điều kiện được hoãn chấp hành hình phạt tù rất hẹp so với điều kiện áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên.

(iii) Về hậu quả pháp lý: khi hết thời hạn hoãn chấp hành hình phạt tù, người bị kết án phải chấp hành bản án, nghĩa là phải chấp hành toàn bộ hình phạt đã tuyên trong bản án. Với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì người đang chấp hành án được một thời gian theo tỷ lệ tương ứng thì được giảm một phần thời hạn phải CHHP theo bản án đã tuyên hoặc được miễn phần còn lại chưa chấp hành của hình phạt tiền.

(iv) Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng: chế định hoãn chấp hành hình phạt tù và giảm mức hình phạt đã tuyên đều do Tòa án có thẩm quyền áp dụng, tuy nhiên khác nhau về chủ thể đề nghị đó là chế định hoãn chấp hành hình phạt tù ngoài cơ quan thi hành án hình sự hoặc Viện kiểm sát nhân dân (đối với hình phạt tiền) đề nghị như chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì người bị kết án cũng có quyền đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù.

#### *1.2.4. Chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù*

Trong khoa học luật hình sự Việt Nam, khái niệm tạm đình chỉ CHHP tù, có một số quan điểm khoa học sau: “Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là việc tạm dừng trong một thời gian nhất định việc chấp hành hình phạt tù của người bị kết án khi người này đang chấp hành hình phạt đó” [9, tr. 291]; hoặc “Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là việc tạm dừng trong một thời hạn nhất định việc chấp hành hình phạt tù của người bị kết án đang chấp hành hình phạt đó” [13, tr.796]. Hai quan điểm khoa học này đã nêu được bản chất pháp lý của tạm đình chỉ CHHP tù là tạm dừng việc CHHP tù trong một khoảng thời gian nhất định đối với người bị kết án đang CHHP đó. Tuy nhiên vẫn có hạn chế đó là chưa làm rõ căn cứ của việc tạm đình chỉ CHHP tù.

Hoặc là “Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là việc Tòa án cho phép người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam được tạm dừng việc ở lại trại giam để chấp hành hình phạt, đồng thời họ được trả tự do nếu không bị giam giữ về một tội phạm khác khi có những điều kiện cụ thể do Bộ luật Hình sự quy định” [39, tr.437]. Quan điểm khoa học này đã nói rõ hơn về chủ thể quyết định việc tạm đình chỉ CHHP tù là Tòa án, căn cứ của việc tạm đình chỉ CHHP tù cũng như hậu quả của việc tạm đình chỉ CHHP tù đó là người bị kết án có thể được trả tự do, tạm dừng việc ở lại trại giam để CHHP tù. Tuy nhiên, quan điểm này vẫn chưa làm rõ một trong những dấu hiệu pháp lý của tạm đình chỉ CHHP tù, đó là việc tạm dừng chấp hành trong một khoảng thời gian nhất định, khi hết thời gian tạm dừng việc CHHP tù lại được tiếp tục thực hiện theo trình tự chung.

Về bản chất pháp lý của chế định tạm đình chỉ CHHP phạt tù: cũng giống như chế định hoãn CHHP tù, là một chế định thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam, người đang chấp hành án phạt tù được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho tạm dừng thời gian đang chấp hành hình phạt theo bản án đã có hiệu lực của Tòa án trong một khoảng thời gian nhất định, khi họ có đầy đủ các căn cứ và điều kiện theo quy định pháp luật.

Đối tượng, điều kiện áp dụng chế định tạm đình chỉ CHHP tù thể hiện ở những nội dung:

(i) Các trường hợp áp dụng: chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cũng giống như chế định hoãn chấp hành hình phạt tù.

(ii) Về điều kiện áp dụng: là trường hợp mà người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ thời gian phải tiếp tục CHHP. Điều kiện áp dụng chế định này tương ứng với chế định hoãn chấp hành hình phạt tù.

(iii) Về hậu quả pháp lý: trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, thì thời gian tạm đình chỉ không được tính vào thời gian thi hành án phạt tù. Với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì người đang chấp hành án được một thời gian theo tỷ lệ tương ứng thì được giảm một phần thời hạn phải CHHP theo bản án đã tuyên hoặc được miễn phần còn lại chưa chấp hành của hình phạt tiền.

(iv) Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng: đối với chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì Tòa án có thẩm quyền áp dụng theo đề nghị của cơ sở giam giữ, cơ quan thi hành án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân. “..Trường hợp tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải do người đã kháng nghị hoặc do Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định” [24, tr. 40]. Còn chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì cơ quan thi hành án hình sự hoặc Viện kiểm sát nhân dân (đối với hình phạt tiền) đề nghị.

Điểm khác nhau cơ bản giữa tạm đình chỉ CHHP tù và hoãn CHHP tù là thời điểm áp dụng biện pháp trước hay trong khi chấp hành hình phạt tù. Cụ thể: tạm đình chỉ hình phạt tù là việc người đang chấp hành hình phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù trong một số trường hợp nhất định. Còn hoãn chấp hành hình phạt tù là việc người bị xử phạt tù có thể được chuyển thời điểm thi hành án sang một thời điểm khác muộn hơn trong các trường hợp nhất định. Như vậy, thời điểm hoãn chấp hành hình phạt tù là khi người phạm tội chưa bắt đầu thi hành hình phạt tù; còn tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là trường hợp người phạm tội đang chấp hành hình phạt tù, nhưng vì một trong những lý do trên mà người phạm tội được xin tạm ngừng chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định.

### **1.3. Giảm hình phạt trong pháp luật hình sự một số nước**

Bộ luật hình sự của các nước trên thế giới được xem là cơ sở pháp lý để đấu tranh, phòng chống tội phạm, bảo vệ những giá trị về quyền con người, quyền công dân. Cũng như luật hình sự Việt Nam, pháp luật hình sự ở một số quốc gia thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa cũng quy định và chia BLHS thành phần chung và phần các tội phạm cụ thể.

#### *1.3.1. Quy định trong Bộ luật hình sự Nhật Bản*

Bộ luật hình sự Nhật Bản công bố ngày 24/4/1907 và được ban hành ngày 01/10/1908, được sửa đổi bằng Luật số 31 năm 1991 quy định về hệ thống hình phạt tại Điều 9 Chương II gồm các loại hình phạt: hình phạt chính bao gồm tử hình; tù lao động, bắt buộc tù không có lao động bắt buộc, phạt tiền, phạt giam hình sự, phạt tiền về tội hình sự nhỏ và phạt giam vì không nộp đủ tiền phạt. Hình phạt bổ sung là tịch thu tài sản [2, tr. 5].

Bên cạnh đó, BLHS Nhật Bản có điều luật quy định giam ở nhà tế bần vì không nộp đủ tiền (Điều 18). Đây là hình thức thuộc hình phạt được thay thế khi người bị kết án không thực hiện được hình phạt tiền được quy định tại Điều 15 (phạt tiền) và Điều 17 (phạt tiền về tội hình sự nhỏ) BLHS Nhật Bản. Việc quy đổi hình phạt tiền và hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ sang hình phạt giam ở nhà tế bần không đồng nhất mà khác nhau về thời hạn giam, đó là các trường hợp: (i) Người không có khả năng nộp đủ tiền phạt sẽ bị giam ở nhà tế bần với thời hạn từ một ngày đến hai năm (khoản 1, Điều 18); người không có khả năng nộp đủ tiền phạt về tội hình sự nhỏ sẽ bị giam ở nhà tế bần với thời hạn từ một ngày đến ba mươi ngày (khoản 2, Điều 18); tổng hợp các loại hình phạt tiền là bắt buộc hoặc hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ là bắt buộc thì thời hạn giam giữ không quá ba năm, khi hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ là bắt buộc thì thời hạn giam giữ không quá sáu mươi ngày (khoản 3, Điều 18). Ngoài ra, BLHS Nhật Bản quy định việc tuyên hình phạt tiền hoặc hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ trong bản án và tuyên bố hình phạt giam ở nhà tế bần thay thế trong trường hợp không nộp đủ tiền phạt. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang giam ở nhà tế bần chỉ được thực hiện nếu không có sự đồng ý của

người bị kết án sau khi bản án có hiệu lực trong thời hạn ba mươi ngày đối với bản án hình phạt tiền và mười ngày đối với phạt tiền về tội hình sự nhỏ (khoản 5, Điều 18).

Giảm hình phạt theo quy định luật hình sự Nhật Bản chỉ quy định: khi người bị kết án nộp được một phần số tiền phạt thì thời hạn giam của hình phạt giam được giảm bằng tỷ lệ giữa tổng thời hạn giam được áp dụng ban đầu hoặc khi một phần số tiền phạt nộp trong quá trình thi hành hình phạt giam thì thời hạn giam của hình phạt giam được giảm bằng tỷ lệ giữa tổng thời hạn giam được áp dụng ban đầu (khoản 6, khoản 7 Điều 18).

Trong BLHS Nhật Bản, quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt chỉ được quy định cụ thể tại Điều 18, áp dụng trong trường hợp hình phạt chính là hình phạt tiền hoặc hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ. Việc quy định về điều kiện giảm thời hạn của hình phạt giam trong BLHS Nhật Bản hoàn toàn khác với giảm mức hình phạt đã tuyên trong BLHS Việt Nam ở những điểm sau:

*Về đối tượng áp dụng*, để được giảm thời hạn chấp hành hình phạt giam thì chỉ có người bị kết án giam ở nhà tế bần đối với hình phạt tiền hoặc hình phạt tiền về tội hình sự nhỏ.

*Về điều kiện áp dụng*, được xem xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt giam ở nhà tế bần khi người bị kết án đã nộp một phần số tiền phạt hoặc trong quá trình thi hành hình phạt giam mà nộp một phần số tiền phạt.

*Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng*, do nguồn của Luật hình sự Nhật Bản còn chứa đựng ở những văn bản, đạo luật khác, nên chỉ nêu lên căn cứ, điều kiện áp dụng có tính chung nhất mà không đề cập đến cơ quan nào quyết định giảm hình phạt.

### *1.3.2. Quy định trong Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (BLHS Trung Quốc)*

Hệ thống hình phạt quy định trong BLHS Trung Quốc cũng giống như hệ thống hình phạt của BLHS Việt Nam, đó là quy định cụ thể hai loại, gồm hình phạt chính (Quản chế; cải tạo lao động; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình) và hình



phạt bổ sung (Phạt tiền; tước các quyền lợi chính trị; tịch thu tài sản. Các hình phạt bổ sung có thể được áp dụng độc lập).

BLHS Trung Quốc quy định chế định giảm hình phạt tại Điều 78 BLHS [17, tr.67-68] như sau:

*Về căn cứ áp dụng:* chỉ áp dụng đối với người phạm tội bị phạt quản chế, cải tạo lao động, tù có thời hạn, tù chung thân.

*Về điều kiện áp dụng:* trong thời gian chấp hành án đã tuân thủ đúng quy định của trại giam, chịu sự cải tạo giáo dục, hối cải hoặc lập công, có một trong các biểu hiện lập công sau sẽ được giảm nhẹ hình phạt: Ngăn ngừa người khác phạm tội nặng; tố giác tội phạm nghiêm trọng trong và ngoài nhà tù; có phát minh sáng tạo hoặc cải tiến kỹ thuật lớn; trong đời sống và sản xuất đã xả thân cứu người khác; có biểu hiện xuất sắc khi phòng chống thiên tai hoặc khi giải quyết sự cố lớn; có những cống hiến lớn khác cho xã hội và cho Nhà nước.

Việc giảm hình phạt đối với người phạm tội phải bảo đảm được thời gian chấp hành hình phạt thực tế không được ít hơn một phần hai thời hạn đã tuyên trong bản án đối với người bị phạt quản chế, cải tạo lao động hoặc tù có thời hạn và không dưới mười năm đối với người bị phạt tù chung thân.

*Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng:* tương tự như BLHS Việt Nam là Tòa án là cơ quan có thẩm quyền theo đơn kiến nghị của Cơ quan thi hành án.

Ngoài ra, còn một hình thức giảm hình phạt được quy định tại Điều 50 BLHS Trung Quốc, đó là đối với hình phạt tử hình, được tạm hoãn hai năm nếu thấy chưa cần thiết phải thi hành ngay. Trong thời gian tạm hoãn thi hành án, không phạm tội do có ý thì sau hai năm được thay bằng tù chung thân; nếu có biểu hiện hối cải, lập công sau khi đủ hai năm thì hình phạt tử hình có thể được thay thế bằng tù có thời hạn từ mười lăm năm đến hai mươi năm.

Như vậy, quy định về giảm hình phạt theo BLHS Trung Quốc về đối tượng, tiêu chí áp dụng tương đối chặt chẽ và cụ thể.

### *1.3.3. Quy định trong Bộ luật hình sự của Liên bang Nga*

BLHS Liên bang Nga cũng như BLHS Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản

đều có hai phần riêng biệt đó là phần chung và phần các tội phạm cụ thể. Trong hệ thống hình phạt, BLHS Liên bang Nga quy định các loại hình phạt bao gồm: Phạt tiền; tước quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; tước quân hàm, danh hiệu chuyên môn, các danh hiệu vinh dự khác, huân huy chương cấp Nhà nước; lao động bắt buộc; lao động cải tạo; hạn chế quân vụ; hạn chế tự do; giam; quản chế trong các đơn vị kỷ luật quân đội; tù có thời hạn; tù chung thân và tử hình [34, tr. 56-57]. Trong hệ thống hình phạt theo pháp luật Liên bang Nga, thì có hình phạt chỉ là hình phạt chính (lao động bắt buộc; lao động cải tạo; hạn chế quân vụ, tù chung thân...), có hình phạt vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung (phạt tiền, hạn chế tự do...) và có loại hình phạt chỉ là hình phạt bổ sung (tước quân hàm, tước quân hàm, danh hiệu chuyên môn), (Điều 45).

Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được BLHS Liên Bang Nga quy định tại Điều 80 thuộc Chương 12 (Miễn chấp hành hình phạt), với tên gọi “Thay đổi phần thời gian còn lại của hình phạt đã áp dụng bằng hình phạt nhẹ hơn” [34, tr. 114]. Với những điều kiện, đối tượng và thẩm quyền áp dụng khác biệt với quy định của BLHS Việt Nam như sau:

*Về đối tượng áp dụng*, người bị kết án đang chấp hành hình phạt quản chế trong các đơn vị kỷ luật quân đội hoặc hình phạt tù.

*Về điều kiện áp dụng*, được thay bằng hình phạt nhẹ hơn khi người bị kết án thực tế chấp hành thời hạn tù do thực hiện tội phạm: tội ít nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (đã chấp hành ít nhất là một phần ba thời hạn hình phạt); tội rất nghiêm trọng (đã chấp hành ít nhất một phần hai thời hạn) và tội đặc biệt nghiêm trọng (đã chấp hành ít nhất một phần ba thời hạn); tội “Xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về giới của người chưa thành niên” và các tội theo Điều 210 Phần các tội phạm (tội gây dựng hoặc tham gia tổ chức phạm tội) – (đã chấp hành ít nhất ba phần tư thời hạn hình phạt).

*Về chủ thể có thẩm quyền áp dụng*, Tòa án có thể lựa chọn bất kỳ một hình phạt nào nhẹ hơn trong số các loại hình phạt được quy định tại Điều 44 và trong giới hạn quy định cho từng loại hình phạt.

Đối với người chưa thành niên thì tại Điều 93 BLHS Liên bang Nga quy định miễn chấp hành hình phạt có điều kiện trước thời hạn trong điều kiện sau khi đã chấp hành được trên thực tế: ít nhất một phần ba thời hạn chấp hành hình phạt do phạm tội ít nghiêm trọng và nghiêm trọng hoặc do phạm tội rất nghiêm trọng; ít nhất hai phần ba thời hạn CHHP do phạm tội đặc biệt nghiêm trọng [34, tr.138].

Quy định giảm hình phạt trong BLHS Liên bang Nga quy định về đối tượng, điều kiện và căn cứ để giảm hình phạt tương đối tương đối chặt chẽ, nhưng linh hoạt, quy định Tòa án có thể lựa chọn bất kỳ một hình phạt nào nhẹ hơn trong số các loại hình phạt được quy định và trong giới hạn quy định cho từng loại hình phạt (có thể áp dụng hình phạt tiền, hạn chế tự do; giam..), thể hiện được nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong giai đoạn chấp hành án.

### **Tiểu kết Chương 1**

1. Việc đưa ra khái niệm giảm mức hình phạt đã tuyên có ý nghĩa không chỉ trong việc xây dựng hoàn thiện chế định này về mặt lập pháp hình sự, trong đó sửa đổi giảm mức hình phạt đã tuyên là một trong những định hướng quan trọng và cần thiết.

2. Trên cơ sở khái niệm về giảm mức hình phạt đã tuyên, có thể rút ra các đặc điểm cơ bản và bản chất pháp lý hình sự của chế định này từ đó phân biệt với các chế định khác có liên quan như: miễn CHHP; tha tù trước thời hạn có điều kiện; hoãn CHHP tù; tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, từ đó rút ra những căn cứ, điều kiện và hậu quả pháp của từng chế định.

3. Nghiên cứu quy định về giảm hình phạt của các nước trên thế giới và dưới góc độ luật so sánh giúp chúng ta tiếp nhận những kinh nghiệm pháp lý trong lập pháp hình sự; để từ đó xây dựng, hoàn thiện chế định giảm hình phạt phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội và truyền thống pháp luật nước ta...

## Chương 2

### QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ GIẢM MỨC HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TỈNH ĐỒNG NAI

#### **2.1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự thực định Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến trước khi thông qua Bộ luật hình sự năm 2015**

##### *2.1.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến trước pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985*

Sau Cách mạng Tháng Tám, nhằm củng cố chính quyền nhân dân non trẻ, Nhà nước ta cần thiết áp dụng pháp luật hình sự để làm công cụ bảo vệ nền độc lập của nước Việt Nam. Do đó, khi chưa xây dựng hệ thống hóa pháp luật hình sự xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 của quy định về việc tạm thời vẫn giữ nguyên những luật lệ hiện hành, chỉ thi hành khi nào không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa. Bên cạnh đó, Nhà nước ta tiếp tục ban hành Sắc lệnh số 52-SL ngày 20 tháng 10 năm 1945, quy định về đại xá, “là một biện pháp khoan hồng của Nhà nước, có tác dụng tha tội-thường là hoàn toàn và triệt để-cho hành loạt những người phạm những tội nhất định nào đó...” [31, tr.184] quy định xá miễn hoàn toàn cho một số tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945. Bên cạnh đó, Sắc lệnh còn quy định xá miễn “những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam, bị kết án trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 như là chính trị phạm hay thường phạm”; “những khinh tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, mà Tòa án đã xử phạt tiền, hoặc tù án treo, hoặc cả hai thứ hình phạt đó”; hoặc “những tội được xá miễn đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu hủy, những chính hình và phụ hình mà tòa án đã tuyên đều bỏ hết. Những tiền phạt hoặc án phí mà công khổ đã thu của tội nhân rồi thì không hoàn lại nữa. Những của cải đã tịch biên và phát mại rồi cũng không trả lại nữa”[31, tr.184-185], đã thể hiện tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa của chế độ ta khi thực hiện việc xá miễn một số tội phạm trong giai đoạn chế độ nửa phong kiến nửa thực dân.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 148-SL ngày 10 tháng 8 năm 1946 về việc ân giảm phạm nhân nhân ngày Quốc khánh, nội dung sắc lệnh này quy định giảm một phần ba hạn tù hoặc khổ sai hoặc phóng thích người phạm tội, trừ một số tội phạm gồm: ...tội do thám, liên lạc hoặc tiếp tế cho quân địch hay can tội tống tiền, ăn cướp, bắt cóc, ám sát, làm hoặc lưu hành giấy bạc giả và biến thủ công quỹ” [10]. Có thể nói đây là những văn bản pháp pháp lý đầu tiên đặt nền móng cho sự hình thành nên chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự nước ta.

Trong quá trình xây dựng và bảo vệ chủ quyền nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nước ta đã nhiều lần ban hành các sắc lệnh liên quan đến việc ân giảm hình phạt (giảm hình phạt, phóng thích) cho những người phạm tội như: Sắc lệnh số 89-SL ngày 26 tháng 9 năm 1947, Sắc lệnh số 232-SL ngày 20 tháng 8 năm 1948, Sắc lệnh 11/SL ngày 22 tháng 01 năm 1950. Các sắc lệnh này được ban hành nhân dịp kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh, là một hoạt động đặc xá và giảm hình phạt cho các loại tội phạm.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, giải phóng thủ đô, nước ta đã tiếp tục thực hiện việc đại xá lần thứ hai cho những người phạm tội và Hội đồng chính phủ ban hành Thông tư số 413-TTg ngày 09/11/1954 đại xá cho “những người đã lầm đường lạc lối, làm hại đến quyền lợi của nhân dân và quyền lợi quốc gia, càng ăn năn hối lỗi, tích cực sửa chữa, mong mỗi được hưởng lượng khoan hồng của Chính phủ” đang bị giam thì được tha ngay, người đã mãn hạn tù hoặc được ân xá, ân giảm và được tha trước đây thì được hưởng quyền công dân như ứng cử, bầu cử và các quyền tự do, dân chủ...[31, tr.186]. Ngoài ra, Chính phủ cũng tiếp tục ban hành quy định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tại Thông tư số 556-TTg ngày 24 tháng 12 năm 1958 của Thủ tướng Chính phủ như sau:“...Khi xử xong thì phải tổ chức ngay cho phạm nhân lao động sản xuất một cách thiết thực. Kẻ nào lao động tốt, biểu hiện tốt về mặt cải tạo thì Công an đề nghị Công tố xét và đưa Tòa án xử tha tù cho họ trước kỳ hạn” [31, tr.151]. Tiếp theo đó Liên bộ gồm Bộ Tư pháp - Bộ Công an -

Viện công tố trung ương - Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên bộ số 73-TT/LB ngày 11/8/1959 quy định điều kiện và thủ tục xử tha tù trước kỳ hạn, thể hiện các đối tượng có thể được xem xét khi có các điều kiện về cải tạo, về thời gian chấp hành án [31, tr. 152-153].

Có thể nói, nghiên cứu sự phát triển của pháp luật hình sự về giảm mức hình phạt đã tuyên trong các giai đoạn trước khi pháp điển hóa BLHS năm 1985, có thể thấy “tuy việc giảm án tha tù trước thời hạn không phải là một việc làm thuộc vấn đề đại xá hoặc đặc xá mà là một loại việc của Tòa án làm thường xuyên ...” [31, tr.155], nhưng xét về nội hàm, các quy định về đặc xá, đại xá trong các Sắc lệnh, Thông tư, Nghị quyết của Nhà nước ban hành trong giai đoạn này thể hiện chế định giảm hình phạt không phải là một chế định độc lập mà nó gắn liền với hoạt động đặc xá của nước ta, “là một biện pháp khoan hồng của Nhà nước, có tác dụng tha tội hay là giảm án cho đích danh một phạm nhân nào đó (như giảm án tử hình xuống án tù chung thân cho những tên bị kết án tử hình xin ân giảm) hoặc cho những phạm nhân thỏa mãn những điều kiện nhất định nào đó (điều kiện về thời gian, về cải tạo...)...” [31, tr.187], là tiền đề và nền móng trong kỹ thuật lập pháp để xây dựng các chế định về giảm hình phạt khi thực hiện pháp điển hóa lần thứ nhất BLHS năm 1985.

*2.1.2. Giai đoạn từ khi pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 cho đến trước giai đoạn pháp điển hóa lần thứ ba Bộ luật hình sự năm 2015*

Pháp điển hóa lần thứ nhất BLHS năm 1985 là một bước tiến lớn trong kỹ thuật lập pháp có nước ta, là đạo luật duy nhất tổng hợp quy định về tội phạm và hình phạt, điều chỉnh các mối quan hệ trên mọi mặt của xã hội, có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự xã hội, bảo vệ các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của công dân, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó, pháp điển hóa lần nhất bằng việc thông qua BLHS năm 1985 đã lần đầu tiên tập hợp tất cả các chế định pháp luật hình sự từ cơ sở TNHS, phân loại tội phạm, hệ thống hình

phạt, việc quyết định hình phạt, các biện pháp tha miễn... cho đến phần các tội phạm cụ thể.

Nguyên tắc nhân đạo pháp luật xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta được tập hợp và quy định tại Chương VI của BLHS năm 1985 bằng những chế định cụ thể. Nghiên cứu chế định giảm thời hạn chấp hành hình phạt được quy định trong BLHS năm 1985 thể hiện: chỉ có người bị kết án cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội hoặc tù, đã chấp hành một thời hạn nhất định thì chỉ được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt (khoản 1 Điều 49 BLHS), còn đối với người bị kết án cấm cư trú hoặc quản chế nếu đã chấp hành được một nửa thời hạn hình phạt thì được miễn việc chấp hành (Điều 50 BLHS); đối với người kết án chưa chấp hành hình phạt mà “lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa” thì có thể miễn chấp hành toàn bộ hình phạt (khoản 2 Điều 51 BLHS); còn đối với người chưa thành niên được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt nếu cải tạo tốt (Điều 66 BLHS).

Quy định trên cho thấy sự khác biệt về nội dung chế định giảm hình phạt trong BLHS năm 1985, đó là: chỉ miễn hình phạt còn lại đối với người đang chấp hành hình phạt bổ sung cấm cư trú hoặc quản chế và trường hợp người bị kết án nhưng chưa chấp hành hình phạt “mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu người đó không còn nguy hiểm cho xã hội”; Còn người bị kết án bằng các hình phạt khác (cải tạo không giam giữ, cải tạo ở đơn vị kỷ luật quân đội hoặc tù) thì chỉ được xem xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt khi có các căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 49 và khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các biện pháp tha miễn trong BLHS năm 1985 về chế định giảm hình phạt cho thấy các chế định này được xây dựng dựa trên sự kế thừa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc ân giảm hình phạt (giảm hình phạt, phóng thích) xuyên suốt từ giai đoạn năm 1945 đến nay, là một chế định được xây dựng độc lập hoàn toàn với các chế định tha miễn khác trong chế định CHHP, thể hiện sự phân hóa và cá thể hóa TNHS trong quá trình thực hiện các giai đoạn tiến hành tổ tụng cũng như trong quá trình CHHP của người phạm tội và thể hiện nguyên tắc chủ đạo của pháp

luật hình sự Việt Nam, đó là “...sự kết hợp trừng trị và giáo dục thuyết phục, lấy giáo dục làm trọng; quan điểm kết hợp giữa hình phạt tù với các hình phạt khác, trong đó tù được xem là hình phạt áp dụng sau” [46, tr.14].

Mặc dù BLHS năm 1985 đã được sửa đổi bốn lần, nhưng về cơ bản vẫn còn nhiều tồn tại bất cập, “việc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội vẫn chưa được tôn trọng một cách đầy đủ và toàn diện” [33, tr. 25]. Do đó, nhằm đáp ứng và phục vụ công cuộc đổi mới của đất nước, Luật hình sự Việt Nam buộc phải có những thay đổi mang tính phát triển trong công tác đấu tranh, phòng và chống tội phạm trong điều kiện đổi mới, đảm bảo được sự thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng về chính sách hình sự trên tất cả các lĩnh vực.

Pháp điển hóa lần thứ hai BLHS năm 1999, về cơ bản đã khắc phục việc sắp xếp không hợp lý về các chế định không liên quan đến biện pháp tha miễn tại Chương VI của BLHS năm 1985 thành chương riêng biệt. Các quy phạm về các biện pháp tha miễn trong BLHS năm 1999 là sự kế thừa các chế định các biện pháp tha miễn trong BLHS năm 1985, trong đó có các chế định giảm hình phạt, nhằm cụ thể hóa nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta đối với người bị kết án bằng việc quy định những trường hợp với căn cứ, điều kiện cụ thể hơn, mở rộng các điều kiện và đối tượng áp dụng chế định giảm hình phạt.

Quy định trên cho thấy sự khác biệt về nội dung chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong BLHS năm 1999 so với BLHS năm 1985, đó là: không quy định riêng người bị kết án cải tạo ở đơn vị kỷ luật của quân đội và bãi bỏ người đang chấp hành hình phạt bổ sung cấm cư trú hoặc quản chế. Các điều kiện giảm hình phạt đối với người bị kết án nhân đạo hơn và rõ ràng hơn đó là, đã CHHP được một thời gian và có nhiều tiến bộ; quy định đối với người chưa thành niên có thể giảm hình phạt hoặc miễn chấp hành hình phạt, đã thể chế hóa đầy đủ, toàn diện các chủ trương, đường lối của Đảng, đó là: “... Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm...” [15].



## **2.2. Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015**

Trong hệ thống hình phạt, thì chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng cho các loại hình phạt gồm: cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân và hình phạt tiền. Theo đó, giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn thời hạn của việc chấp hành hình phạt có thời hạn hoặc miễn việc tiếp tục chấp hành phần hình phạt tiền còn lại theo bản án đã tuyên, chế định này được quy định tại các Điều 63, Điều 64 và Điều 105 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào điều kiện áp dụng, đối tượng áp dụng của chế định này được quy định trong BLHS năm 2015, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Luật thi hành án hình sự năm 2010, có thể khái quát thành các chế định nhỏ sau: Giảm thời hạn chấp hành hình phạt; Miễn, giảm chấp hành phần hình phạt còn lại; Miễn, giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại.

### *2.2.1. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt*

Theo bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì người bị kết án sẽ bị áp dụng một trong các chế định CHHP, tức là người bị kết án phải chấp hành một hình phạt nhất định do pháp luật hình sự quy định và được tuyên trong bản án. Còn ngược lại, khi áp dụng chế định giảm hình phạt với tư cách là một trong các biện pháp tha miễn trong các chế định CHHP, thì người bị kết án đang CHHP do Tòa án tuyên được thay đổi về thời hạn phải CHHP theo hướng giảm bớt, rút ngắn thời hạn lẽ ra họ phải chấp hành đầy đủ theo bản án đã tuyên.

Tại Điều 63 BLHS quy định: đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn hoặc phạt tù chung thân có thể được Tòa án quyết định giảm mức hình phạt đã tuyên trong các trường hợp nếu án đã CHHP được một phần ba thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn và mười hai năm đối với hình phạt tù chung thân, trừ trường hợp người dưới mười tám tuổi thì thời hạn đã chấp hành hình phạt chỉ cần chấp hành xong một phần tư thời hạn.

Việc chấp hành án của người đang CHHP phải thuộc trường hợp có nhiều tiến bộ và đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự. Đối với trường hợp đã lập công, đã quá già yếu hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì không phụ thuộc về thời hạn đã CHHP có thể được xem xét giảm sớm hơn và thời gian xét giảm dài hơn; đối với

người dưới mười tám tuổi, pháp luật hình sự quy định loại trừ trường hợp “đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự” chỉ cần thuộc trường hợp chấp hành có nhiều tiến bộ, đồng thời khi người dưới mười tám tuổi đang CHHP đã lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo thì có thể xét giảm ngay mà không cần phụ thuộc vào thời hạn đã chấp hành có đủ một phần tư thời hạn hay không.

Như vậy, có thể khẳng định rằng chủ thể được giảm chấp hành hình phạt trong trường hợp này phải là người đã bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật và đang chấp hành các loại hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn và hình phạt tù chung thân, tức là họ phải là người trên thực tế đang bị buộc phải chấp hành các quyết định hình phạt của bản đã tuyên.

Đối chiếu với hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện thì điều kiện được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt được quy định như sau:

*Một là*, “có nhiều tiến bộ”. “Tiến bộ” theo từ điển tiếng Việt là : “bước lên, bước tới”, “Tăng thêm, giỏi hơn” [45, tr.751], thể hiện ở việc chấp hành tốt Nội quy trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ; tích cực học tập, lao động cải tạo và phải có đủ kỳ xếp loại chấp hành án phạt tù từ khá trở lên theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự [18] hoặc “Có nhiều tiến bộ là việc người chấp hành án có nhiều nỗ lực, cố gắng và đạt nhiều thành tích trong việc chấp hành án và thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị nơi cư trú, làm việc” [41, tr.185]. Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định: “chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; thành thật hối cải, tích cực lao động, học tập” [40, tr.406].

Do vậy, khái niệm “có nhiều tiến bộ” trong căn văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trên còn có sự vênh nhau, chưa phù hợp và chưa rõ ràng khi áp dụng đối với người đang CHHP cải tạo không giam giữ.

Trên thực tế, việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thành thật hối cải, tích cực lao động, học tập đối với người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương còn có thể được biểu hiện là phải chấp hành đầy đủ các quy định

của địa phương, các nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú của người chấp hành án và phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian CHHP (nếu có). Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng việc xác định có nhiều tiến bộ đối với người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thường là sự đánh giá chủ quan của cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục mà chưa có một quy định chuẩn, cụ thể rõ ràng để tránh sự tùy nghi khi lập hồ sơ đề nghị xét giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

*Hai là*, “đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự”. Nghĩa vụ dân sự được hiểu là quan hệ pháp luật dân sự, bao gồm các bên chủ thể, trong đó một bên chủ thể mang quyền có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ dân sự phải chuyển giao một tài sản, phải thực hiện một công việc hoặc không được thực hiện một công việc, hoặc phải bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng. Do đó, người đang CHHP phải thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo bản án, quyết định của Tòa án cho cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do hành vi phạm tội của người bị kết án gây ra.

Khái niệm “đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự” hiện nay chưa có bất kỳ văn bản pháp luật hình sự quy định như thế nào là bồi thường một phần nghĩa vụ dân sự, cũng có thể hiểu bồi thường một phần là ít nhất một phần ba hoặc ít nhất hai phần ba hoặc chỉ là một phần nhỏ trong nghĩa vụ dân sự liên quan đến bồi thường thiệt hại có thể về tài sản, về sức khỏe, về tính mạng hoặc cũng có thể về phân án phí, hình phạt bổ sung...

Xét dưới góc độ pháp luật thì nghĩa vụ dân sự được quy định trong các văn bản trên là không thống nhất, không đầy đủ và chưa rõ ràng về “định lượng một phần” và như thế nào là “nghĩa vụ dân sự”?, thì sự cần thiết phải có sự thống nhất trong việc hướng dẫn bổ sung quy định này, tạo điều kiện không chỉ cho cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện mà nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người đang CHHP.

*Ba là*, “đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định”. Về thời gian CHHP, BLHS năm 2015 đã quy định rõ, cụ thể đối với người xét giảm lần đầu là

một phần ba thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn, mười hai năm đối với tù chung thân.

*Bốn là*, để được Tòa án quyết định giảm mức hình phạt thì đối với người đang CHHP cải tạo không giam giữ khi có đủ các điều kiện để giảm thời hạn chấp hành án thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu có trách nhiệm lập hồ sơ và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực nơi người chấp hành án đang cư trú, làm việc xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành án được quy định tại Điều 77 Luật thi hành án hình sự năm 2010.

Đối với người đang chấp hành án tại các cơ sở giam giữ thì khi người đang CHHP có đủ các điều kiện để giảm thời hạn chấp hành án thì thẩm quyền đề nghị là Trại giam; Trại tạm giam thuộc Bộ Công an; Trại tạm giam thuộc Bộ Quốc phòng; Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, có trách nhiệm lập hồ sơ và chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự quân khu nơi phạm nhân đang chấp hành án xem xét, quyết định theo Điều 33 Luật thi hành án hình sự năm 2010. Đây chính là thủ tục bắt buộc để Tòa án xem xét việc giảm CHHP đối với người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tù có thời hạn, hình phạt tù chung thân.

Một trường hợp đặc biệt thuộc chế định giảm mức hình phạt đã tuyên được quy định trong BLHS đó là, giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt, theo đó, khi người bị kết án có lý do đáng được khoan hồng thêm thì có thể xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt không phụ thuộc vào thời gian phải chấp hành hình phạt và thời gian giảm chấp hành hình phạt cao hơn, khi:

*Một là*, với khái niệm “lập công”. Theo Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 của liên ngành quy định “Lập công là có hành động giúp trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra và xử lý tội phạm; cứu được tính mạng của người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc đã cứu được tài sản (có giá trị từ ba mươi triệu đồng trở lên) của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn; có những phát minh, sáng

kiến có giá trị lớn hoặc có thành tích đặc biệt xuất sắc khác được trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận [41, tr.58]; tại Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định: “Lập công lớn là trường hợp người bị kết án đã có hành động giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc đã cứu được tài sản của nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hoả hoạn; có những phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị hoặc thành tích xuất sắc đột xuất khác được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận” và “Đã lập công là trường hợp lập công lớn hoặc người bị kết án có thành tích xuất sắc trong cuộc sống, trong sản xuất, chiến đấu, học tập, công tác được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng nhận” [40, tr.405-406]. Những trường hợp lập công này chỉ được xem xét khi người đang CHHP, còn những công lao họ thực hiện trước khi có bản án đã tuyên thì được xem xét đó là những tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt “đã lập công chuộc tội là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm cho đến khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà còn có những hành động giúp cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt kẻ phạm tội, có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích chính đáng của người khác....được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng và chứng nhận” [6, tr.16].

Qua nghiên cứu các khái niệm “lập công”, “lập công lớn” được viện dẫn trên vẫn còn có những mâu thuẫn và chông chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật về định lượng cũng như về khái niệm như thế nào là “lập công” và như thế nào là “lập công lớn”.

*Hai là*, “đã quá già yếu”. Người già là một thuật ngữ nhằm chỉ một nhóm người thuộc về một độ tuổi nhất định (tuổi cao), tức là khi con người bắt đầu có những biến đổi về mặt sinh học theo chiều hướng đi xuống, cũng như có thay đổi về tâm lý và là người không có hoặc hạn chế khả năng tự vệ. Cho nên, trong các văn

bản quy phạm pháp luật hình sự, khái niệm đối với chủ thể đang CHHP là “Người già được xác định là người từ 70 tuổi trở lên” [40, tr.413] hoặc “người quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên ốm đau” [41, tr.186].

Tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 định nghĩa như sau: “Đã quá già yếu là người từ 70 tuổi trở lên hoặc từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên bị bệnh, phải nằm điều trị tại bệnh xá, bệnh viện nhiều lần trong thời gian dài (từ ba tháng trở lên) và không có khả năng tự phục vụ bản thân” [41, tr.58]. Như vậy, dựa vào các văn bản quy phạm pháp luật đã viện dẫn trên, chúng ta có thể xác định “thường xuyên ốm đau” đối với người già yếu ở độ tuổi từ 60 trở lên đó là: người đó phải thường xuyên bị bệnh, phải nằm điều trị tại bệnh xá, bệnh viện nhiều lần trong thời gian dài (từ ba tháng trở lên) và không có khả năng tự phục vụ bản thân.

Các khái niệm “người già, người quá già yếu, đã quá già yếu” nằm rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật, chưa được các nhà làm luật hệ thống hóa, tuy nhiên các văn bản trên vẫn đưa ra được định nghĩa đồng nhất, rõ ràng về các khái niệm, làm cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các chế định CHHP đối với người đang chấp hành án.

*Ba là*, “mắc bệnh hiểm nghèo”. Căn cứ xác định người đang CHHP có bệnh hiểm nghèo hay không, ngoài việc dựa vào kết luận chuyên môn của cơ quan y tế mà còn phải căn cứ vào Danh mục các bệnh hiểm nghèo do Nhà nước ban hành, lấy đó làm căn cứ để bệnh viện cấp tỉnh trở lên xác nhận cho người đang chấp hành án. Tuy nhiên, Cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế là Bộ Y tế đến thời điểm hiện nay hoàn toàn chưa ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để làm căn cứ xem xét.

Hiện nay có một số văn bản quy phạm pháp luật của các ngành khác quy định danh mục bệnh hiểm nghèo làm căn cứ để giải quyết theo từng lĩnh vực chuyên biệt như: Công văn 6383/BTC-TCT ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính-Tổng cục thuế xác định cá nhân mắc bệnh hiểm nghèo được xét giảm thuế thu nhập cá nhân (quy định 42 bệnh hiểm nghèo) hoặc Thông tư 26/2014 TT-BQP ngày 20/5/2014 của Bộ

Quốc phòng quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo, danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày để thực hiện chế độ, chính sách trong quân đội hoặc Nghị định 76/2003/NĐ-CP ngày 27/6/2003 của Chính phủ quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

“Mắc bệnh hiểm nghèo” theo Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, là trường hợp được Bệnh viện cấp tỉnh trở lên kết luận tình trạng của người bị kết án đang bị những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng, khó có phương thức chữa trị. Tương tự như vậy, Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 liên ngành quy định “Mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong các bệnh như: Ung thư giai đoạn cuối, liệt, lao nặng kháng thuốc, xơ gan cổ chướng, suy tim độ III trở lên, suy thận độ IV trở lên, nhiễm HIV đã chuyển giai đoạn AIDS đang có nhiễm trùng cơ hội, không có khả năng tự phục vụ bản thân và có tiên lượng xấu, nguy cơ tử vong cao hoặc mắc một trong các bệnh khác được Hội đồng giám định y khoa, bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên kết luận là bệnh hiểm nghèo, nguy hiểm đến tính mạng” [41, tr.58].v.v..

Như vậy, những văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn quy định bệnh hiểm nghèo là chưa thể hiện rõ và chưa có sự thống nhất các loại bệnh hiểm nghèo là như thế nào?. Hội đồng giám định y khoa, bệnh viện cấp tỉnh hoặc cấp quân khu trở lên trên căn cứ vào quy định nào như đã viện dẫn trên để xác nhận tình trạng bệnh tật của người đang CHHP? Nên, xét dưới góc độ pháp luật thì sự cần thiết phải có sự thống nhất trong việc hướng dẫn bổ sung quy định này, tạo điều kiện không chỉ cho cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện mà nhằm lợi ích chính đáng của người đang CHHP.

#### *2.2.2. Miễn, giảm chấp hành phần hình phạt còn lại*

Theo quy định tại khoản 2, Điều 105 BLHS năm 2015, người dưới mười tám tuổi bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù có thời hạn có thể được Tòa án quyết định giảm ngay hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại trong trường hợp đang CHHP mà lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo. Như vậy, có thể khẳng định rằng đối tượng được giảm ngay hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại

trong trường hợp này phải là người dưới mười tám tuổi đã bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật và đang chấp hành loại hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù, không phụ thuộc vào thời hạn đã chấp hành hình phạt và mức hình phạt là bao nhiêu (quy định người dưới mười tám tuổi phải chấp hành là một phần tư thời hạn) khi có một trong các điều kiện sau là lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.

Quy định như thế nào là “lập công”, “mắc bệnh hiểm nghèo” khi áp dụng đối với người dưới mười tám tuổi hoàn toàn đồng nhất với quy định giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt như đã viện dẫn.

### *2.2.3. Miễn, giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại*

Hệ thống hình phạt trong BLHS bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung, theo quy định tại Điều 32 BLHS thì hình phạt chính bao gồm: Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ..., và hình phạt bổ sung bao gồm: phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính, Cấm cư trú; Quản chế...”.

Hình phạt tiền là thể hiện ở việc tước của người bị kết án một khoản tiền nhất định. Xét về bản chất, dù là hình phạt chính hay hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đều là sự tước bỏ một số quyền lợi vật chất của người bị kết án, tác động đến điều kiện kinh tế của người bị kết án.

Miễn, giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại là một dạng của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đang CHHP. Người đang chấp hành hình phạt tiền là người dưới 18 tuổi được xem xét miễn hoặc giảm theo tinh thần quy định tại Thông tư số 10/2010/TTLT-BTP-BTC-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/5/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công an, VKSND tối cao và TAND tối cao hướng dẫn việc miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu nộp ngân sách nhà nước, thuộc trường hợp phần tiền phạt còn lại quy định tại khoản 3 Điều 76 BLHS (hiện nay là khoản 3 Điều 105 Bộ luật hình sự) khi đáp ứng một số điều kiện nhất định:

*Một là*, “lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra”. Được hiểu rằng toàn bộ hoặc phần lớn tài sản hoặc phần thu nhập của người đang chấp hành án bị mất, bị giám sát, không đảm



bảo hoặc chỉ đảm bảo được tối thiểu cuộc sống cho bản thân và gia đình người phải chấp hành kể từ thời điểm bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, đau ốm cho đến thời điểm xét miễn, giảm thi hành án, trừ trường hợp người phải thi hành án tự gây ra tai nạn, ốm đau cho bản thân nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

*Hai là*, “lập công lớn” là người đã có hành động giúp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện, truy bắt, điều tra tội phạm; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hoả hoạn; có những phát minh, sáng chế, hoặc sáng kiến có giá trị; được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận [41, tr.408].

*Ba là*, để miễn, giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại, Viện trưởng VKSND phải có văn bản đề nghị căn cứ vào hồ sơ xác minh tình trạng không có tài sản để thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự theo những điều kiện do Luật định.

Thông qua việc phân tích quy định giảm mức hình phạt đã tuyên theo BLHS năm 2015 cho thấy, những bất cập trong quá trình áp dụng pháp luật khi những vướng mắc, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về giảm mức hình phạt đã tuyên chưa được giải thích kịp thời, thống nhất từ cơ quan tư pháp trung ương. Do đó, giải pháp phải hoàn thiện pháp luật, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên là nhu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

### **2.3. Thực tiễn áp dụng giảm mức hình phạt đã tuyên tại tỉnh Đồng Nai**

*2.3.1. Khái quát hoạt động áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*

Số liệu được thu thập và trích dẫn trong Luận văn này được tổng hợp từ hai cấp xét xử của toàn ngành TAND tỉnh Đồng Nai và số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, trong thời gian 05 năm, từ năm 2013 đến năm 2017 (tính theo mốc số liệu thi đua của ngành Kiểm sát và TAND).

Công tác thi hành án phạt tù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có đặc thù so với một số địa phương khác đó là, trên địa bàn ngoài trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai còn có trại giam Xuân Lộc, thuộc Bộ Công an đóng trên địa bàn, hằng năm tiếp nhận người bị kết án phạt tù để thi hành án rất lớn. Ngoài số người bị hai cấp Tòa

án tỉnh Đồng Nai kết án phải thi hành án tại cơ sở giam giữ công an tỉnh Đồng Nai thì trại giam Xuân Lộc cũng thực hiện các thủ tục tiếp nhận người bị kết án phạt tù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh miền Đông Nam Bộ vào trại giam để chấp hành án.

Qua số liệu thống kê cho thấy, trong 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017, số bị cáo bị Tòa án hai cấp đưa ra xét xử là 19.567 bị cáo, trong đó có 14.603 bị cáo bị phạt tù có thời hạn, chiếm tỷ lệ 74,6%; bị cáo bị phạt tù chung thân là 40 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,20%; bị cáo bị hình phạt tử hình là 31 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,15%; số bị cáo bị kết án không phải phạt tù (bao gồm phạt phạt tiền, cải tạo không giam giữ) là 2.349 bị cáo, chiếm 12%; số bị cáo bị kết án bằng hình phạt cảnh cáo là 04 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,02%; số bị cáo bị kết án bằng hình phạt tù cho hưởng án treo là 2540 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 12,9%; không có bị cáo nào bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm cư trú, quản chế (xem bảng 2.1).

**Bảng 2.1. Số liệu thống kê xét xử hình sự ngành TAND tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Giải quyết		Hình phạt đã tuyên						
	Vụ	Bị cáo	Số người bị kết án phạt tù giam			Số người bị kết án không phải hình phạt tù			Hình phạt khác
			Tù có thời hạn	Tù chung thân	Tử hình	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Cảnh cáo	
2013	2.516	4.362	3.390	10	8	279	72	3	600
2014	2.454	4.314	3.156	11	5	427	103		612
2015	2.303	4.333	3.212	10	6	463	67	1	574
2016	2.219	3.564	2.719	6	5	436	31		367
2017	1.819	2.994	2.126	3	7	406	65		387
Tổng	11.311	19.567	14.603	40	31	2011	338	4	2.540

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Trong năm năm (từ 2013 đến 2017), số bị án đã có quyết định thi hành án phạt tù của Tòa án hai cấp huyện và tỉnh là 16.967 người; trong đó thi hành án phạt tù là 14.749 người, chiếm tỷ lệ 86,9%; ban hành quyết định thi hành án không phải hình phạt tù là 13% (xem bảng 2.2).

**Bảng 2.2. Số liệu thống kê công tác thi hành án hình sự của ngành TAND tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số phải ra quyết định	Hình phạt tù giam	Không phải là hình phạt tù		
			Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Cảnh cáo
2013	3898	3340	492	63	3
2014	3579	3016	491	72	
2015	3803	3254	461	87	1
2016	3219	2924	266	29	
2017	2468	2215	184	69	
Tổng	16.967	14.749	1.894	320	4

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Theo số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017, số người bị kết án đang chấp hành hình phạt tại trại giam Xuân Lộc và trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai được đề nghị xét giảm thời hạn CHHP là 15.241 bị án. Trong 05 năm, nhìn chung tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có xu hướng giảm về số người phạm tội lẫn số vụ việc xét xử, do đó số người bị kết án đang chấp hành án được đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cũng có xu hướng giảm, thể hiện năm 2013 số người đề nghị xét giảm là 3016 người, đến năm 2017 số người đề nghị xét giảm là 2893 người (xem bảng 2.3).

**Bảng 2.3. Số liệu thống kê phạm nhân được đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của trại giam Xuân Lộc và trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai, từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số người CHHP được đề nghị	Số người CHHP được xét giảm	Số người CHHP không được chấp nhận	Tỷ lệ (%) được chấp nhận
2013	3016	3003	13	99,5
2014	3096	3089	7	99,7
2015	3308	3306	2	99,9
2016	2928	2919	9	99,6
2017	2893	2891	2	99,9
Tổng	15.241	15.208	33	99,7

Nguồn: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

**2.3.2. Đánh giá tình hình áp dụng chế định giảm mức án đã tuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Qua số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ người đang CHHP được giảm thời hạn chấp hành được Tòa án chấp nhận chiếm tỷ lệ cao (thấp nhất là 99,5%, cao nhất là 99,9%). Số người đang chấp hành án phạt tù không được Tòa án chấp nhận là 33 bị án, chiếm tỷ lệ 0,21% (xem bảng 2.4).

**Bảng 2.4. Số liệu thống kê người bị kết án được giảm chấp hành hình phạt tù năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số người CHHP được đề nghị	Số người CHHP được xét giảm	Số người CHHP được xét giảm	Tỷ lệ (%) được chấp nhận
2013	3016	3003	13	99,5
2014	3096	3089	7	99,7
2015	3308	3306	2	99,9
2016	2928	2919	9	99,6
2017	2893	2891	2	99,9
Tổng	15.241	15.208	33	99,7

Nguồn: Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Nguyên nhân số người đang chấp hành hình phạt không được chấp nhận giảm thời hạn CHHP chủ yếu các lý do sau:

*Một là*, trong thời gian xem xét hồ sơ giảm thời hạn CHHP tù của trại giam, người đang CHHP lại vi phạm nội quy trại giam như có hành vi đánh nhau, gây mất trật tự, đưa vật cấm vào buồng giam hoặc không tuân thủ mệnh lệnh của cán bộ quản giáo, nên bị lập biên bản vi phạm. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng vi phạm kỷ luật là do các cơ sở giam giữ được thiết kế theo mô hình cũ nên không thông thoáng, ẩm thấp, việc sửa chữa chưa được thống nhất đồng bộ, chưa phân loại đối tượng chấp hành án một cách triệt để nên vẫn còn tình trạng có một số đối tượng đang chấp hành án có biểu hiện xúi giục, kích động, thông tin không đúng nhằm gây mất trật tự trại giam...

*Hai là*, hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn CHHP chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 58 BLHS năm 1999, theo quy định tại khoản 1 Điều 58 BLHS năm 1999, thì thời gian đã CHHP để được xét giảm lần đầu là một phần ba thời hạn hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù từ ba mươi năm trở xuống và mười hai năm đối với tù chung thân.

*Ba là*, hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù không đảm bảo về thời gian xếp loại đối với người chấp hành án. Theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 hướng dẫn thi hành các quy định về giảm thời hạn CHHP tù đối với phạm nhân thì phạm nhân muốn được xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì căn cứ vào các điều kiện theo luật định, người đang chấp hành án phải có đủ kỳ xếp loại chấp hành án phạt tù từ khá trở lên. Do vậy, ngoài điều kiện về thời hạn phải chấp hành án, thì người được đề nghị giảm thời hạn chấp hành án phạt tù phải có nhiều tiến bộ thông qua việc chấp hành nội quy trại giam, tích cực học tập, lao động cải tạo và có đủ kỳ xếp loại khá theo quy định như đã viện dẫn trên.

*Bốn là*, đối tượng được xét giảm thời hạn CHHP không đúng, theo quy định tại khoản 3 Điều 58 BLHS năm 1999 thì một người có thể được giảm làm nhiều lần, nhưng phải bảo đảm chấp hành được một phần hai mức hình phạt đã tuyên. Do đó, đối tượng được xét giảm thời hạn CHHP tù lần thứ hai trở đi phải đảm bảo chấp

hành được thời gian chấp hành hình phạt được một phần hai mức hình phạt đã tuyên.

Năm là, Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận rằng, việc xét giảm thời hạn CHHP cho người đang CHHP cải tạo không giam giữ và hình phạt tiền trong thực tiễn rất thấp. Trong năm năm (từ năm 2013 đến năm 2017), số người bị kết án bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đã có quyết định thi hành án được đề nghị xét giảm thời hạn CHHP là không có; số người bị kết án bằng hình phạt tiền được đề nghị miễn phần hình phạt tiền còn lại là 771 người, chiếm tỷ lệ 40,7% so với số quyết định thi hành án đã ban hành (xem bảng 2.5).

**Bảng 2.5. Số liệu thống kê người bị kết án được giảm chấp hành hình phạt từ năm 2013 đến năm 2017**

Năm	Số người CHHP được đề nghị		Số người CHHP được chấp nhận		Số người không được chấp nhận	
	Hình phạt tiền	Hình phạt cải tạo không giam giữ	Hình phạt tiền	Hình phạt cải tạo không giam giữ	Hình phạt tiền	Hình phạt cải tạo không giam giữ
2013	0	0	0	0	0	0
2014	11	0	10	0	01	0
2015	0	0	0	0	0	0
2016	0	0	0	0	0	0
2017	16	0	14	0	02	0
Tổng	27	0	24	0	3	0

Nguồn: Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

Qua số liệu thống kê về tình hình áp dụng pháp luật hình sự để miễn chấp hành hình phạt tiền còn lại cho thấy, hình phạt tiền được Tòa án hai cấp tỉnh Đồng Nai áp dụng trong các năm từ 2013 đến năm 2017 là 2.011 bị cáo, số người có quyết định thi hành án phạt tiền là 2.894 bị cáo, số người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt tiền còn lại tại Đồng Nai là 24 người, chiếm tỷ lệ 0,82% so với số người bị kết

án đã có quyết định thi hành án; số người bị kết án được đề nghị xét giảm, miễn chấp hành hình phạt tiền còn lại hàng năm chiếm tỷ lệ rất thấp, có nguyên nhân chủ yếu sau:

*Một là*, Nghiên cứu một số bản án liên quan đến hình phạt tiền cho thấy, số bị cáo bị Tòa án hai cấp xét xử áp dụng hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính chủ yếu là tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”. Do đó, sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án có điều kiện về kinh tế đã thực hiện nộp các khoản tiền phạt theo bản án đã tuyên.

*Hai là*, mặc dù có hướng dẫn như thế nào là “lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra” hoặc “lập công lớn”, nhưng thực tiễn người bị kết án gần như không có đủ một trong các điều kiện như đã quy định để được xét miễn giảm hình phạt tiền còn lại.

Thực tiễn thi hành chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy, việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ không được các ngành chú trọng nên trong thời gian qua hoàn toàn không có người bị kết án bằng hình phạt này được giảm thời hạn. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

*Một là*, các bị cáo bị kết án bằng hình phạt cải tạo không giam giữ được coi là nhẹ hơn hình phạt tù, điều kiện CHHP tương đối đơn giản dẫn đến người chấp hành án chưa ý thức được trách nhiệm pháp lý của mình trong việc CHHP.

*Hai là*, Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát, giáo dục... Tuy nhiên, trách nhiệm của chính quyền địa phương, gia đình, cơ quan tổ chức còn hời hợt thiếu trách nhiệm trong việc quản lý giáo dục và nhận xét người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ tại nơi thường trú; chưa thực hiện tốt việc đề nghị Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xem xét đề nghị xét giảm hoặc miễn thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho người bị kết án tại địa phương.

Ba là, khi chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ Nhà nước, trừ trường hợp miễn việc khấu trừ thu nhập (khoản 3 Điều 31 BLHS năm 1999). Qua thực tiễn thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ rất ít trường hợp bị tuyên khấu trừ một phần thu nhập, do người bị kết án là lao động tự do, thu nhập không thường xuyên, việc thi hành phần khấu trừ thu nhập nếu được tuyên trong bản án thì khó có khả năng thi hành trên thực tiễn. Do đó, người đang CHHP cải tạo không giam giữ tại địa phương gần như chỉ thực hiện các nghĩa vụ bắt buộc theo luật định, bản thân người CHHP này nhận thức họ được tự do ngoài xã hội, không bị hạn chế các quyền của mình nên ít quan tâm đến việc đề nghị xem xét giảm, miễn thời hạn CHHP cải tạo không giam giữ khi có một trong các điều kiện như lập công, đã quá già yếu, bị bệnh hiểm nghèo.v.v...

Qua số liệu phản ánh cho thấy, tỷ lệ người được giảm thời hạn CHHP cải tạo không giam giữ của các năm không có, đa số là các hồ sơ xét miễn giảm các nghĩa vụ thi hành án đối với các khoản thu nộp ngân sách nhà nước về án phí, về hình phạt tiền bổ sung.

## **Tiểu kết Chương 2**

1. Nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự về giảm mức hình phạt đã tuyên cho thấy, tính đặc thù của chế định này hình thành từ các văn bản quy phạm pháp luật đơn hành; được kế thừa, phát triển bằng việc ghi nhận trong BLHS để điều chỉnh một nhóm lĩnh vực mang tính nhân đạo về biện pháp tha miễn đối với người bị kết án trong giai đoạn chấp hành hình phạt, phù hợp với chính sách hình sự của Nhà nước trong những giai đoạn nhất định của đất nước.

2. Nghiên cứu quy định giảm mức hình phạt đã tuyên theo BLHS hiện hành còn giúp chúng ta phân loại hình phạt được giảm thời hạn chấp hành với ba trường hợp: Giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù; Miễn, giảm chấp hành phần hình phạt còn lại; Miễn, giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp



dụng còn những căn cứ, điều kiện chưa được ghi nhận, loại hình phạt được giảm thời hạn chưa được mở rộng, cần tiếp tục sửa đổi bổ sung hoàn thiện chế định này.

3. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật về chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cho thấy các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện cho thấy còn thiếu, thậm chí mâu thuẫn, không thống nhất nhưng chưa được bổ sung kịp thời, chưa thể hiện được bản chất nhân đạo và của Nhà nước trong chính hình sự đối với người đang chấp hành án. Do đó, cần định hướng sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, các chế định có liên quan đến giảm mức hình phạt đã tuyên và những chế định có liên quan đến chế định này cũng phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

### Chương 3

## CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIẢM MỨC HÌNH PHẠT ĐÃ TUYÊN

### 3.1. Giải pháp hoàn thiện các quy phạm pháp luật hình sự thực định hiện hành

Pháp luật hình sự là những công cụ sắc bén nhất, trực tiếp trong việc xử lý các hành vi tội phạm đã xảy ra và phòng ngừa những hành vi tội phạm khác trong xã hội được Luật hình sự bảo vệ. BLHS năm 2015 đã phản ánh rõ nét nhất và khách quan nhất về vị trí, vai trò của mình trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, trong việc phòng ngừa và đấu tranh tội phạm. Đồng thời nó cũng quán triệt sâu sắc nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền con người. Hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung và chế định giảm mức hình phạt đã tuyên nói riêng cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn áp dụng pháp luật và tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

#### 3.1.1. Hoàn thiện chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất do Tòa án áp dụng đối với những người thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích trừng trị, giáo dục cải tạo họ trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời mang mục đích phòng ngừa chung. Bên cạnh đó, thì với chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đang CHHP với tư cách là một trong các biện pháp tha miễn của các chế định CHHP lại mang đến giải pháp nhân đạo, khoan hồng hơn mà tác dụng của nó có ý nghĩa quan trọng nhằm giảm bớt, hủy bỏ hoặc miễn một phần việc chấp hành hình phạt đó.

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự cho thấy rằng các quy định hiện hành về giảm mức hình phạt đã tuyên đã bộc lộ bất cập cần phải tiếp tục hoàn thiện chế định này:

*Thứ nhất*, Các chế định có liên quan đến giảm mức hình phạt đã tuyên còn được quy định lẫn lộn, không hợp lý vào những chế định khác như: miễn chấp hành phần hình phạt còn lại (cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù) và chế định miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại. Về bản chất pháp lý thì nó là biện pháp miễn chấp

hành hình phạt (cải tạo không giam giữ, hình phạt tù hoặc hình phạt tiền), nhưng về mặt kỹ thuật lập pháp lại được các nhà làm luật quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 105 BLHS với tư cách là một chế định giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người dưới 18 tuổi.

Về mặt lý luận như đã phân tích tại Chương một của Luận văn, có thể khẳng định rằng, chế định giảm mức hình phạt đã tuyên và các chế định khác có liên quan như: Tha tù trước thời hạn có điều kiện, hoãn CHHP tù, tạm đình chỉ CHHP tù, miễn CHHP với tư cách là nền tảng cho việc áp dụng các biện pháp tha miễn trong các chế định CHHP được Luật hình sự quy định, tuy nhiên Luật hình sự thực định vẫn chưa có những khái niệm khoa học về chế định giảm mức hình phạt đã tuyên cũng như khái niệm về các chế định có liên quan như đã viện dẫn.

*Thứ hai*, việc sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ để thống nhất chung giữa các tình tiết là điều kiện để giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án, đó là:

Các thuật ngữ tại khoản 2 và khoản 3 trong Điều 105 BLHS đó là “lập công lớn” và “lập công”. Trên cơ sở phân loại hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam thì hình phạt được sắp xếp từ thấp lên cao, hình phạt nhẹ nhất là cảnh cáo cho đến hình phạt nặng nhất là tử hình. Người bị kết án (người dưới 18 tuổi) bằng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù là đối tượng được giảm hoặc miễn chấp hành phần hình phạt còn lại với tình tiết “lập công” theo khoản 2 Điều 105 BLHS; Hệ thống hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam được sắp xếp từ thấp đến cao, từ hình phạt nhẹ nhất đến hình phạt nặng nhất. Trong đó, hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn do mức độ cưỡng chế ít nghiêm khắc hơn bằng việc không tước quyền tự do của người bị kết án, nhưng điều kiện để xét giảm thời hạn CHHP lại bắt buộc phải “lập công lớn” với những quy định nghiêm khắc hơn cho thấy sự bất cập giữa các quy định này ở chế định giảm mức hình phạt đã tuyên. Chính vì vậy, cần sắp xếp lại loại hình phạt được giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án (người dưới 18 tuổi) theo hướng chỉ cần tình tiết “đã lập công” đối với hình phạt tiền, hình phạt cải

tạo không giam giữ và tình tiết “lập công lớn” đối với loại hình phạt tù có thời hạn, thì mới đảm bảo được sự công bằng trong CHHP.

Trường hợp giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt chỉ quy định các tình tiết “lập công”, “đã quá già yếu”, “mắc bệnh hiểm nghèo” làm căn cứ điều kiện để xét giảm thời hạn CHHP. Tuy nhiên, người bị kết án trong thời gian CHHP nếu đã “lập công lớn” theo các khái niệm như đã phân tích tại Chương hai luận văn thì hiện nay BLHS hoàn toàn không quy định đây là tình tiết để giảm thời hạn CHHP mà chỉ quy định là tình tiết miễn chấp hành toàn bộ hình phạt đối với người bị kết án phạt tù có thời hạn trên ba năm nhưng chưa chấp hành hình phạt và cũng như không quy định là tình tiết để xét để tha tù trước thời hạn có điều kiện. Điều này, dẫn đến sự chưa hợp lý và không công bằng trong việc xem xét giảm, miễn CHHP với tư cách là các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự.

*Thứ ba*, người bị kết án “mắc bệnh hiểm nghèo” được giải thích theo Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC ngày 15 tháng 5 năm 2013 với những trường hợp cụ thể nhưng chưa được ghi nhận chính thức về mặt lập pháp hình sự. Tuy nhiên, ngoài trường hợp người bị kết án “mắc bệnh hiểm nghèo” theo các trường hợp cụ thể như các văn bản quy phạm pháp luật trên đã viện dẫn thì trên thực tế còn có những căn bệnh khác tuy không gây nguy hại cho tính mạng nhưng đã làm mất khả năng nhận thức, mất năng lực điều khiển hành vi (dấu hiệu y học và tâm lý). Đây là một trong các bệnh lý làm cho người bị kết án không còn nhận thức được quá trình thực hiện tội phạm, khả năng cải tạo và giáo dục không còn, việc tiếp tục chấp hành án chỉ giải quyết được một mặt của tính trừng trị còn sự tha thứ, khoan hồng không mang lại kết quả cao. Theo quy định tại Điều 452 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì “... Căn cứ kết luận giám định pháp y tâm thần, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu nơi người bị kết án đang chấp hành án phạt tù ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù và áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó phải tiếp tục chấp hành án phạt tù nếu không có lý do để miễn chấp

hành hình phạt tù” [7, tr.798]. Pháp luật hình sự nước ta không chỉ quy định miễn chấp hành hình phạt tù sau khi người bị kết án khỏi bệnh khi có những điều kiện do Luật định mà hoàn toàn không quy định đó là tình tiết để giảm mức hình phạt đã tuyên.

*Thứ tư*, bổ sung thêm trường hợp giảm mức hình phạt đã tuyên về hình phạt tiền đối với chủ thể phạm tội là người đã thành niên. Theo quy định tại khoản 5 Điều 62 BLHS thì người bị kết án phạt tiền được miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại khi có những căn cứ do luật định, nhưng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên không quy định trường hợp giảm hình phạt tiền. Bởi lẽ, hình phạt tiền là hình phạt chính được Tòa án áp dụng cho tất cả các chủ thể phạm tội được BLHS quy định (khoản 1, Điều 35 BLHS). Việc thi hành quyết định hình phạt tiền đối với người thành niên cũng như đối với người dưới 18 tuổi là đồng nhất, trong quá trình chấp hành hình phạt, người bị Tòa án phạt tiền cũng phải thực hiện nghĩa vụ nộp tiền phạt theo quyết định bản án đã tuyên. Tuy nhiên, bản thân người chấp hành án phạt tiền có những điều kiện tương tự như người dưới 18 tuổi như lập công, hoặc lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn vì những trở ngại khách quan thì không được xem xét giảm chấp hành phần tiền phạt còn lại.

*Thứ năm*, pháp luật hình sự Việt Nam chỉ quy định miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại (khoản 6 Điều 62 BLHS); miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước mà không quy định giảm thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung trong trường hợp người bị kết án đã chấp hành một phần thời hạn hình phạt bổ sung (cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân). Trong thực tế, người bị kết án loại hình phạt này sau khi chấp hành xong hình phạt chính (hình phạt tù), đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật đối với hình phạt bổ sung với mong muốn được hoàn lương, sớm tái hòa nhập với cộng đồng, với gia đình và xã hội, nhưng pháp luật hình sự lại không khuyến khích sự cải tạo của người phạm tội bằng cách không quy định và loại trừ các trường hợp miễn, giảm thời hạn chấp hành loại hình phạt bổ sung là đi ngược với nguyên tắc nhân đạo của Nhà nước ta; chính vì

vậy sự cần thiết phải mở rộng hơn nữa việc miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung trong chế định giảm mức hình phạt đã tuyên.

Như vậy, có thể phân chia chế định giảm mức hình phạt đã tuyên tùy theo mức độ thành ba loại sau nhằm hoàn thiện hơn khi phân định các trường hợp cụ thể được giảm, đó là:

*“Người bị kết án đã chấp hành được một phần hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn hoặc phạt tù chung thân.... thì được giảm thời hạn chấp hành hình phạt”.*

*“Người bị kết án đã chấp hành được một phần hai hình phạt tiền... thì được xét miễn, giảm phần hình phạt tiền còn lại”.*

*“Người bị kết án đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt bổ sung cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân.... thì được xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt bổ sung”.*

*Thứ sáu*, thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử cho thấy, việc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người, nhất là đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội vẫn chưa được tôn trọng một cách đầy đủ và toàn diện [33, tr.25]. Các đối tượng là phụ nữ, người chưa thành niên, người già yếu, người khuyết tật trong chế định CHHP hay biện pháp tha miễn trong luật hình sự Việt Nam vẫn chưa quan tâm. Họ là những đối tượng dễ tổn thương và yếu thế nhất trong xã hội. Bảo vệ quyền con người thuộc nhóm người dễ bị tổn thương không chỉ ở các giai đoạn tiến hành tố tụng còn cả ở giai đoạn chấp hành hình phạt. Tuy nhiên, các hướng dẫn về giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đang chấp hành án về điều kiện xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt phải chỉ có các khái niệm “người già, người quá già yếu, đã quá già yếu”. Bên cạnh đó, chỉ quy định một trường hợp người chấp hành án mắc bệnh “bại liệt” là điều kiện để miễn chấp hành hình phạt, hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, còn người khuyết tật theo quy định Luật Người khuyết tật năm 2010 thì hoàn toàn không quy định là điều kiện để xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Do đó, ghi nhận chính thức những đối tượng này vào BLHS

để xem xét như trường hợp giảm mức hình phạt đã tuyên tại Điều 63 BLHS, nhằm thể hiện cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong BLHS, phù hợp với chính sách hình sự trong giai đoạn hiện nay.

Từ yêu cầu về phương diện thực tiễn áp dụng và lý luận của chế định giảm mức hình phạt đã tuyên, đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện chế định này, giúp cho quá trình thực thi pháp luật của cơ quan tư pháp được thuận lợi và chính xác hơn, đồng thời thể hiện chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật đó là, “coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự..., đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ...”[15].

### *3.1.2. Giải pháp hướng dẫn thực tiễn xét xử*

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định rõ nhiệm vụ của cải cách tư pháp là bảo đảm để Tòa án là trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm. Do đó hoạt động xét xử là sự biểu hiện tập trung nhất quyền lực Nhà nước nhằm bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, duy trì nền công lý với những bảo đảm về giá trị của sự công bằng. Bằng những giải thích mang tính chỉ đạo của TAND tối cao về áp dụng pháp luật hình sự là một hình thức của thực tiễn xét xử [13, tr.190] và mang tính thống nhất áp dụng pháp luật trong hệ thống Tòa án các cấp. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các chế định giảm mức hình phạt đã tuyên của hai cấp Tòa án tỉnh Đồng Nai cho thấy các hướng dẫn, áp dụng pháp luật của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đến thời điểm hiện nay vẫn chưa kịp thời, thậm chí còn mâu thuẫn nhau trong các văn bản này làm ảnh hưởng đến chính sách nhân đạo của Nhà nước do Tòa án các cấp không thể áp dụng một cách đúng đắn và đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người đang chấp hành án.

Bên cạnh công tác xây dựng xây dựng pháp luật được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao chủ trì soạn thảo các Dự án luật, Pháp lệnh thì công tác tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử [25, tr.18] đã được pháp luật quy định. Trong những năm qua, khắc phục những hạn chế thiếu sót

trong công tác hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đối với Tòa án các cấp, TAND tối cao đã có nhiều đổi mới, tập trung vào tổng kết theo các chuyên đề, thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm xét xử hoặc các giải pháp đã được các Tòa án vận dụng trong thực tiễn xét xử của mình cũng là cơ sở để Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu xây dựng các văn bản hướng dẫn để áp dụng chung trong toàn ngành.v.v...[32].

Do đó, việc tăng cường hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật cần tập trung vào các vấn đề có liên quan đến việc hoàn thiện pháp luật về chế định này, trong đó ưu tiên những giải pháp sửa đổi, bổ sung các quy định về giảm mức hình phạt đã tuyên để kịp thời tháo gỡ, đưa ra các giải pháp xử lý cho những vấn đề mới phát sinh, các vấn đề chưa được quy định rõ hoặc những vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến việc thực thi và áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong thực tiễn.

### **3.2. Một số giải pháp khác**

Bên cạnh những giải pháp sửa đổi bổ sung các quy định giảm mức hình phạt đã tuyên trong pháp luật hình sự Việt Nam, tổng kết và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, công tác nâng cao trình độ nghiệp vụ cho những người có thẩm quyền trong việc lập hồ sơ đề nghị và người có thẩm quyền trong việc quyết định áp dụng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì cần tiếp tục song song với nó những giải pháp mang tính xã hội, đó là:

*Một là*, giải pháp tham gia của cơ quan tổ chức và gia đình vào việc giám sát quản lý giáo dục người bị kết án. Mục đích cuối cùng của hình phạt đối với người phạm tội thể hiện ở chỗ khả năng tự giáo dục, cải tạo, nhanh chóng tái hòa nhập với cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội. Với phương châm “ng nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục...”, nhằm khuyến khích người bị kết án nhanh chóng khắc phục sửa chữa sai phạm, tuân thủ pháp luật là điều kiện để giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án. Do đó, công tác quản lý giáo dục, giúp đỡ người đang chấp hành hình phạt tại địa phương là một trong những yếu tố quan trọng trong công tác thi hành hình phạt, “để họ nhận thấy được



những vi phạm của mình, hậu quả tác hại do mình đã gây ra cho gia đình xã hội, thấy được chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước, sự quan tâm của chính quyền và nhân dân đối với họ, gia đình họ, từ đó họ ý thức được trách nhiệm của mình mà tích cực cải tạo, từ bỏ con đường vi phạm pháp luật trở thành người công dân có ích” [1, tr.43].

Để những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về giảm mức hình phạt đã tuyên đi vào đời sống xã hội, phát huy đúng với vị trí, vai trò và ý nghĩa của nó, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần nâng cao trách nhiệm của mình hơn nữa trong các công tác: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục, điều kiện và đối tượng xem xét giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người đã bị kết án; Nâng cao nhận thức cho người đang CHHP nói chung các điều kiện, căn cứ về giảm mức hình phạt đã tuyên nhằm giúp họ phấn đấu trong quá trình chấp hành án.

Để nâng cao hiệu quả chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thì trong thời gian tới, Tòa án cần chủ động phối hợp tốt với cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự, VKSND cùng cấp, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc cơ sở giam giữ nơi phạm nhân đang chấp hành án trong việc tổ chức có hiệu quả, có căn cứ theo quy định pháp luật khi lập hồ sơ xem xét việc miễn, giảm hình phạt.

Thực tiễn cho thấy, có rất nhiều trường hợp được giảm mức hình phạt đã tuyên nếu chính quyền địa phương nơi người bị kết án cư trú thực hiện tốt công tác giám sát, quản lý chặt chẽ người bị kết án đồng thời, tuyên truyền, phổ biến pháp luật hình sự mang tính nhân đạo của Nhà nước về điều kiện tha miễn (miễn, giảm, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành phạt) thì tỷ lệ người bị kết án được giảm mức hình phạt đã tuyên về các loại hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân đạt kết quả rất cao.

*Hai là*, giải pháp tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong tiếp nhận kinh nghiệm lập pháp hình sự. Tình hình tội phạm hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp, không chỉ là các loại tội phạm mới phát sinh mà còn có những loại tội phạm

mang tính chất xuyên quốc gia. Bên cạnh việc học hỏi, giao lưu kinh nghiệm giữa các quốc gia trong lĩnh vực tư pháp còn cần có sự phối hợp trong việc đấu tranh phòng và chống tội phạm, đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, hoạch định chính sách pháp luật hình sự theo tình hình mới, tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự với các nước có nền pháp lý tiên tiến như là cách tiếp nhận pháp luật.

Hệ thống pháp luật Việt Nam với nhiều ngành luật khác nhau, trong số đó, pháp luật hình sự nước ta chịu ảnh hưởng của truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa mà trực tiếp là Liên bang Nga và Trung Quốc, thể hiện chính sách hình sự đặt quyền lợi của Nhân dân lên trên hết, ưu tiên xử lý người phạm tội kết hợp với giáo dục thuyết phục để tránh tái phạm, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Với những chế định giảm hình phạt trong Phần chung BLHS của các nước như đã phân tích tại Chương một của luận văn thể hiện tính đặc thù của dòng họ pháp luật xã hội chủ nghĩa, theo đó chế định giảm hình phạt trong BLHS của các nước Trung Quốc, Liên bang Nga được quy định thành chương độc lập, các căn cứ và điều kiện để giảm hình phạt được mở rộng đến mức cao nhất của giá trị nhân đạo, là tiền đề để các nhà lập pháp nước ta nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chế định giảm mức hình phạt đã tuyên của nước ta.

### **Tiểu kết Chương 3**

1. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật về chế định giảm mức hình phạt đã tuyên trong thời gian qua, cho thấy các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện cho thấy còn thiếu, thậm chí mâu thuẫn, không thống nhất nhưng chưa được phát hiện, bổ sung kịp thời ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, chưa thể hiện được bản chất nhân đạo và của Nhà nước trong chính hình sự đối với người đang chấp hành án. Do đó, cần định hướng sửa đổi bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, các chế định có liên quan đến giảm mức hình phạt đã tuyên và những chế định có liên quan đến chế định này cũng phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ nhằm

nâng cao hiệu quả áp dụng.

2. Ngoài sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, gia đình tham gia vào quá trình giám sát người bị kết án đang chấp hành hình phạt còn những giải pháp khác như tăng cường trao đổi kinh nghiệm lập pháp hình sự từ hệ thống pháp luật các nước để bảo đảm việc thực hiện đúng căn cứ, điều kiện luật định về giảm mức hình phạt đã tuyên.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu quy định giảm mức hình phạt đã tuyên theo Luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu tỉnh Đồng Nai) có thể rút ra những kết luận cơ bản sau:

*Một là*, giảm mức hình phạt đã tuyên phản ánh nguyên tắc nhân đạo trong chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với người bị kết án trong giai đoạn chấp hành hình phạt. Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên thể hiện bản chất pháp lý, đó là việc rút ngắn, giảm bớt thời hạn chấp hành hình phạt hoặc miễn phần hình phạt còn lại trong bản án đã tuyên có hiệu lực pháp luật đối với người bị kết án, là cơ sở để xây dựng khái niệm khoa học về giảm mức hình phạt đã tuyên trong BLHS.

*Hai là*, nghiên cứu lịch sử hình thành quy định chế định giảm mức hình phạt đã tuyên cho thấy, những quy phạm pháp luật mang tính chất tha miễn từ ngày đầu lập thành lập nước về việc giảm hình phạt đối với người phạm tội nhân dịp ngày lễ trọng đại của dân tộc được quy định rải rác ở các văn bản khác nhau, lần lượt được ghi nhận thành chế định độc lập trong BLHS với tư cách là một trong những biện pháp tha miễn trong giai đoạn CHHP.

Ngoài ra, việc tìm hiểu chế định giảm mức hình phạt đã tuyên theo quy định của pháp luật hình sự ở một số quốc gia trên thế giới giúp so sánh, đối chiếu giữa các quy định của pháp luật hình sự nước ta với các quy định của pháp luật hình sự các nước. Từ đó có hướng chọn lọc, kế thừa và phát triển pháp luật hình sự nước nhà.

*Ba là*, thông qua việc nghiên cứu quy định giảm mức hình phạt đã tuyên theo BLHS hiện hành và thực tiễn áp dụng cho thấy còn những vướng mắc, bất cập từ chính chế định này làm giảm tính tích cực, ảnh hưởng đến chính sách chung trong giai đoạn chấp hành hình phạt. Do đó, việc hoàn thiện chế định này là tất yếu.

*Bốn là*, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về biện pháp tha miễn trong giai đoạn CHHP nói chung cũng như chế định giảm mức hình phạt đã tuyên nói riêng, thì cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự theo hướng cụ thể các căn cứ và điều kiện giảm, hoàn thiện về thủ tục, nâng cao kỹ thuật lập pháp... Thông qua đó, kịp thời ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định này vào

thực tiễn; hơn nữa, giải pháp có sự tham gia giám sát, quản lý của cơ quan tổ chức, gia đình trong việc giáo dục người bị kết án phải được quan tâm, phối kết hợp một cách đồng bộ.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quốc Nhật-Nguyễn Trung Hòa-Trần Hải Âu (2001) *Giáo dục, giúp đỡ người tù tha tái hòa nhập cộng đồng ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (1994) *Bộ luật hình sự Nhật Bản (bản dịch)*, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (1995) *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2006) *Từ điển Luật học*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2015) *Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự*, ban hành ngày 12/02/2015, Hà Nội.
6. Mai Bộ (2005) “Miễn chấp hành hình phạt tù”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 4, tr.18-19.
7. Nguyễn Hòa Bình (2016) *Những nội dung mới trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Phạm Văn Beo (2009) *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1, (Phần chung)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Phạm Văn Beo (2008) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
10. Chính phủ (1946) *Sắc lệnh số 148/SL về ân giảm các phạm nhân, nhân dịp quốc khánh của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa*, ban hành ngày 10/8/1946, Hà Nội.
11. Lê Văn Cẩm (chủ biên) (2018) *Sách chuyên khảo: Nhận thức khoa học về phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Lê Văn Cẩm (2007) “Hình phạt và hệ thống hình phạt”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 14, tr.3-5.
13. Lê Văn Cẩm (2005) *Sách chuyên khảo sau đại học những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.

16. Trần Ngọc Đường (2011) *Quyền con người, quyền công dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

17. Đinh Bích Hà (2007) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bản dịch)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

18. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2018) *Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP về hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện*, ban hành ngày 24/4/2018, Hà Nội.

19. Nguyễn Ngọc Hòa (1999) “Mục đích hình phạt”, Tạp chí *Luật học*, số 1, tr.9-11; 51.

20. Nhà xuất bản chính trị quốc gia-Sự thật (2014) *C.Mác và Ph.Ăng-Ghen toàn tập, tập 8*, Hà Nội.

21. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin (2005) *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội.

22. Quốc hội, *Bộ luật hình sự năm 1985*, Hà Nội.

23. Quốc hội (2010) *Luật thi hành án hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Quốc hội (2014) *Hiến pháp năm 2013*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

25. Quốc hội (2014) *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

26. Quốc Hội (1946), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946*, Hà Nội.

27. Đinh Văn Quế (2018) *Bình luật bộ luật hình sự năm 2015 (phần thứ nhất, những quy định chung)*, Nxb thông tin và truyền thông, Hà Nội.

28. Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

29. Hồ Sỹ Sơn (2009) “Chế định hình phạt trong Bộ luật hình sự Cộng hòa Pháp và một số gợi mở nhằm hoàn thiện Bộ luật hình sự nước ta”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 3, tr.53-60.

30. Nguyễn Ngọc Hòa-Lê Thị Sơn (2006) *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

31. Tòa án nhân dân tối cao (1975) *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Hà Nội.

32. Tòa án nhân dân tối cao (2014) *Báo cáo về thực hiện Nghị quyết số 69/2013/QH13 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII*, ban hành ngày 16/5/2014, Hà Nội.

33. Tòa án nhân dân tối cao (2017) *Thông tin khoa học xét xử năm 2017, chuyên đề về Bộ luật hình sự*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

34. Trường đại học Luật Hà Nội (2011) *Bộ luật hình sự Liên bang Nga (bản dịch)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

35. Trịnh Quốc Toàn (2008) “Hoàn thiện một số biện pháp miễn, giảm hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, Tạp chí *Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, Kinh tế-Luật*, số 24, tr.174-180.

36. Trịnh Quốc Toàn (2011) *Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

37. Trịnh Quốc Toàn (2015) *Nghiên cứu hình phạt trong luật hình sự Việt Nam dưới góc độ bảo vệ quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

38. Trịnh Tiến Việt (2007) “Về khái niệm miễn trách nhiệm hình sự”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật*, số 23, tr.103-104.

39. Trịnh Tiến Việt (2013) *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

40. Trần Thế Vinh (2013) *Hệ thống các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hình sự- Dân sự- Hành chính- Lao động năm 2000-2013*, Nxb Dân trí, Hà Nội.



41. Trần Thế Vinh (2013) *Các Thông tư liên tịch của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an về Hình sự- Dân sự- Hành chính- Kinh tế- Lao động năm 2010-2014*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

42. Võ Khánh Vinh (1995) *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

43. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2002) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

44. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2002) *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

45. Viện ngôn ngữ (2008) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

46. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994) *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

47. Võ Khánh Linh (2016) “Chức năng xã hội của hình phạt”, <<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/xay-dung-phap-luat.aspx?ItemID=324>>, (22/11/2016).